

SỐ 99

KINH TẠP A-HÀM (II)

雜阿含經

Hán dịch: Tống, Tam tạng Câu-na-bạt-dà-la.

Việt dịch: Thích Đức Thắng,

Hiệu đính & Chú thích: TUỆ SY.

TẠP A-HÀM QUYỂN 16

KINH 407. TƯ DUY (1)¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ có số đông Tỳ-kheo tụ tập tại nhà ăn, tư duy những điều thế gian tư duy². Bấy giờ, Thế Tôn biết tâm niệm của các Tỳ-kheo, đi đến nhà ăn, trải tòa ngồi, rồi bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, cẩn thận chớ tư duy những điều thế gian tư duy. Vì sao? Vì những điều tư duy của thế gian chẳng lợi ích gì cho pháp, chẳng lợi ích gì cho phạm hạnh, chẳng phải trí, chẳng phải giác, không thuận Niết-bàn³. Các ông nên chân chánh tư duy, ‘Đây là Khổ Tháh đế, đây là Khổ tập Tháh đế, đây là Khổ diệt Tháh đế, đây là Khổ diệt đạo tích Tháh đế.’ Vì sao? Vì tư duy như vậy có lợi ích cho pháp, có lợi ích cho phạm hạnh, là trí, là giác, thuận hướng Niết-bàn.

“Vào thời quá khứ có một người ra khỏi thành Vương xá, đến bên bờ ao Câu-hy-la⁴, ngồi tư duy về sự tư duy của thế gian. Trong lúc đang tư duy bỗng thấy một đoàn quân gồm bốn quân chủng: voi, ngựa, xe, bộ binh, vô lượng vô số, tất cả đều vào trong một cái lỗ của ngó sen⁵. Thấy vậy, người đó liền nghĩ: ‘Ta đã điên cuồng, mất tâm tính; điều thế gian không có mà nay ta thấy có.’

¹: Đại Chánh, quyển 16. “Tập nhân tụng” phẩm iii (phần 4) [tiểu mục trong nguyên bản: Đại Chánh]. Quốc Dịch đồng. Pāli, S. 56. 41. Cintā.

²: Pāli: lokacintam cintento, tư duy về (tư duy) thế gian, suy nghĩ về thế giới.

³: Phi nghĩa nhiêu ích, phi pháp nhiêu ích, phi phạm hạnh nhiêu ích, phi trí, phi giác, bất thuận Niết-bàn. Pāli: na hetam atthasamhitam etam ādibrahmacariyakam etam na nibbidāya na virāgāya na nirodhāya na upasamāya na abhiññāya na sambodhāya na nibbānāya saṃvattati (S. v. p. 448), điều đó không liên hệ mục đích (giải thoát), không thuộc căn bản phạm hạnh, không dẫn đến yểm ly, không dẫn đến ly dục, tịch diệt, tịch tĩnh, thăng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

⁴: Câu-hy-la trì 拘 緜 羅 池 . Pāli: sumāgadha pokkharañī, hồ sen Sumāgadha.

⁵: Ngẫu khổng 耶 孔 . Pāli: bhisamuļāla, chồi non của sen.

“Bấy giờ, cách ao này không xa, có nhiều người tụ tập lại một chỗ. Người này liền đi đến chỗ đám đông, nói rằng: ‘Các vị, nay tôi đã phát cuồng, tôi đã mất tâm tính, điều thế gian không có mà tôi thấy có.’ Người này kể đầy đủ như trên. Khi ấy mọi người đều bảo người này đã phát điên, mất tâm tính, những điều thế gian không có mà người này thấy có.”

Phật nói các Tỳ-kheo:

“Nhưng người này không phải điên cuồng mất tâm tính, mà là thấy chân thật. Vì sao? Vì lúc ấy cách ao Câu-hy-la không xa có các vị trời và A-tu-la khởi bốn thứ quân chửng chiến đấu giữa hư không. Lúc ấy, các vị trời đắc thắng, quân A-tu-la bại trận, nhập vào trong một cái lỗ ngó sen trong hồ này.

“Cho nên, Tỳ-kheo, các ông hãy cẩn thận chớ nên suy nghĩ về thế gian. Vì sao? Vì tư duy thế gian chẳng lợi ích gì cho nghĩa⁶, chẳng lợi ích gì cho pháp, chẳng lợi ích gì cho phạm hạnh, chẳng phải trí, chẳng phải giác, không thuận Niết-bàn. Mà nên tư duy về bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 408. TƯ DUY (2)⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập nơi nhà ăn, bàn luận như vậy: ‘Hoặc nói thế gian là thường, hoặc nói thế gian là vô thường, thế gian vừa hữu thường vừa vô thường, thế gian chẳng phải hữu thường chẳng phải vô thường; thế gian là hữu biên, thế gian là vô biên; thế gian là vừa hữu biên vừa vô biên; thế gian chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên. Mạng là thân, hay mạng khác thân

⁶. Phi nghĩa nhiều ích 非 義 餘 益 : chẳng ích gì cho mục đích.

⁷. S. 56, 8. Cintā.

khác, Như Lai sau khi chết là có, Như Lai sau khi chết là không, Như Lai sau khi chết vừa có vừa không, Như Lai sau khi chết chẳng phải có chẳng phải không.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ngồi Thiền tịnh ở một chỗ, bằng thiền nhĩ, nên nghe tiếng bàn luận của các Tỳ-kheo đang tụ tập ở nhà ăn. Nghe xong, đi đến nhà ăn, trải tòa mà ngồi trước đại chúng và bảo các Tỳ-kheo:

“Các Tỳ-kheo ở đây tụ tập để bàn nói việc gì vậy?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo chúng con tụ tập ở nhà ăn này bàn luận, ‘Hoặc nói hữu thường, hoặc nói vô thường.’ *Nói đây đủ như trên.*”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông chớ bàn luận nghĩa như vậy.⁸ Vì sao? Vì sự bàn luận này chẳng lợi ích gì cho pháp, chẳng lợi ích gì cho phạm hạnh, chẳng phải trí, chẳng phải giác, không thuận hướng Niết-bàn. Nay các Tỳ-kheo, nên luận nghị như thế này, ‘Đây là Khổ Thánh đế, đây là Khổ tập Thánh đế, đây là Khổ diệt Thánh đế, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế.’ Vì sao? Vì luận nghị này có lợi ích cho pháp, lợi ích cho phạm hạnh, là trí, là giác, thuận hướng Niết-bàn. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế nếu chưa được hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 409. GIÁC (1)⁹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo tụ tập nơi nhà ăn, có người có giác tưởng

⁸. Pāli: mā... pāpakaṃ ākusalam cittaṃ cinteyyātha, các người chớ tư duy về tư duy ác bất thiện.

⁹. Suy tầm, trầm tư. Pāli, S. 56. 7. Vitakkā.

tham giác, có người có giác tưởng sân giác, hoặc có người có giác tưởng hại giác¹⁰. Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết tâm niệm của các Tỳ-kheo, nên đi đến nhà ăn, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, rồi bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông chớ khởi giác tưởng về tham giác, chớ khởi giác tưởng về nhuế giác, chớ khởi giác tưởng về hại giác¹¹. Vì sao? Vì những giác tưởng này chẳng lợi ích gì cho nghĩa, chẳng lợi ích gì cho pháp, chẳng lợi ích gì cho phạm hạnh, chẳng phải chánh trí, chẳng phải chánh giác, không chánh hướng Niết-bàn. Các ông nên khởi giác tưởng về Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Vì sao? Vì sự giác tưởng đối với bốn Thánh đế này có lợi ích cho nghĩa, lợi ích cho pháp, lợi ích cho phạm hạnh, là chánh trí, chánh giác, chánh hướng Niết-bàn. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, chánh trí, chánh niệm, tinh tấn tu học.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 410. GIÁC (2)¹²

Tôi nghe như vầy:

Một thời... nói đầy đủ như trên, chỉ có sự sai biệt là:

“Khởi giác tưởng về bà con thân thuộc; khởi giác tưởng về quốc thổ nhân dân; khởi giác tưởng về không chết, cho đến nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.”

**
*

¹⁰. Tham giác, sân (nhuế) giác, hại giác; đây gọi là ba bất thiện tâm, ba tư duy tâm cầu bất thiện: ham muốn, thù hận, ý nghĩ ác hại. Pāli: kāmavitakkaṃ vyāpādavitakkaṃ vihiṃsavitakkaṃ.

¹¹. Pāli: mā, bhikkhave, pāpake akusale vitakke vitakkeyyātha, Tỳ-kheo, các người chớ có tư duy tâm cầu về các suy tâm ác bất thiện.

¹². Pāli, xem kinh 409.

KINH 411. LUẬN THUYẾT¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập nơi nhà ăn, bàn luận những đề tài như vậy¹⁴: hoặc là bàn luận việc vua, việc giặc cướp, việc đấu tranh, việc tiền bạc, việc y phục, việc ăn uống, việc nam nữ, việc ngôn ngữ thế gian, việc sự nghiệp, việc trong biển cả. Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ở trong thiền định, bằng thiền nhĩ, nghe tiếng bàn luận của các Tỳ-kheo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến nhà ăn, trải tọa cụ mà ngồi trước đại chúng, rồi bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, các ông tụ tập để bàn luận việc gì?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chúng con tụ tập ở đây bàn nói về việc vua...”

Nói đầy đủ như trên.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông chớ bàn luận những đề tài như vậy: Bàn luận những việc vua... cho đến, không hướng đến Niết-bàn. Nếu có bàn luận thì nên nói về Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Vì sao? Vì bốn Thánh đế này có lợi ích cho nghĩa, lợi ích cho pháp, lợi ích cho phạm hạnh, là chánh trí, chánh giác, chánh hướng Niết-bàn.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 412. TRANH¹⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập nơi nhà ăn, nói với nhau như

^{13.} S. 56. 10. Kathā.

^{14.} Các đề tài được gọi là súc sanh luận (Pāli: tiracchānakathā), vì vô nghĩa, vô ích.

^{15.} Tranh cãi. Pāli, S. 56. 9. Viggāhikā.

vầy: ‘Tôi biết pháp luật, các ông không biết; những gì tôi nói là thành tựu, những gì tôi nói là hợp lý; những gì các ông nói là không thành tựu, không hợp lý; cái đáng nói trước thì lại nói sau, cái đáng nói sau thì nói trước. Thế rồi tranh luận nhau. Luận của tôi đúng; luận của các ông không bằng. Ai trả lời được thì trả lời đi!’

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ở trong thiền định, băng thiên nhĩ, nghe tiếng các Tỳ-kheo tranh luận... Nói đầy đủ như trên cho đến, “bốn Thánh đế nếu chưa hiện quán thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 413. VƯƠNG LỰC

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập nơi nhà ăn, bàn luận như vầy: ‘Vua Ba-tư-nặc và vua Tần-bà-sa-la¹⁶, vua nào có thế lực lớn, vua nào giàu có hơn?’

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ở trong thiền định, băng thiên nhĩ, nghe tiếng bàn luận của các Tỳ-kheo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến nhà ăn, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, rồi hỏi các Tỳ-kheo:

“Các ông đang bàn luận việc gì?”

Bấy giờ các Tỳ-kheo đem những việc trên bạch lại đầy đủ với Thế Tôn.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

“Các ông bàn những việc về thế lực lớn, về sự giàu sang của các vua làm gì? Nay các Tỳ-kheo, chớ luận bàn như vậy. Vì sao? Vì việc này không đem lại lợi ích gì cho nghĩa, pháp, phạm hạnh, cũng chẳng phải trí, chẳng phải chánh giác, chẳng đưa đến Niết-bàn¹⁷. Các ông nên bàn Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt

¹⁶. Ba-tư-nặc 波斯匿 (Pāli: Pasenadi), vua nước Câu-tát-la 拘薩羅 (Pāli: Kosala). Tần-bà-sa-la 頻婆娑羅 (Pāli: Bimbisāra), vua nước Ma-kiệt-đà.

¹⁷. Như kinh 407.

đạo tích Thánh đế. Vì sao? Vì bốn Thánh đế này đem lại nhiều lợi ích về nghĩa, về pháp, về phạm hạnh, là chánh trí, chánh giác, chánh hướng Niết-bàn. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế, nếu chưa được hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 414. TÚC MẠNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập nơi nhà ăn, bàn luận như vầy: ‘Đời trước các ông làm những thứ nghề nghiệp gì, công xảo gì và lấy gì để tự sống?’

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ở trong thiền định, bằng thiền nhĩ, nghe tiếng bàn luận của các Tỳ-kheo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến nhà ăn, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, rồi hỏi các Tỳ-kheo:

“Các ông đang nói những gì?”

Lúc ấy, các Tỳ-kheo đem những việc trên bạch lại đầy đủ.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, các ông chớ bàn những việc đã làm đời trước. Vì sao? Vì việc này không đem lại nhiều lợi ích cho nghĩa, pháp, phạm hạnh¹⁸, cũng chẳng phải trí, chẳng phải giác, chẳng đưa đến Niết-bàn. Nay các Tỳ-kheo, các ông nên bàn Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Vì sao? Vì bốn Thánh đế này đem lại nhiều lợi ích cho nghĩa, pháp, phạm hạnh, là chánh trí, chánh giác, chánh hướng Niết-bàn. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế, nếu chưa được hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

^{18.} Như kinh 407.

KINH 415. ĐÀN-VIỆT¹⁹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-dà, thành Vương xá. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập nơi nhà ăn, bàn luận như vầy: ‘Đàn-việt mỗ giáp kia làm thức ăn thô sơ, chúng ta ăn xong không thấy ngon, không thấy khỏe. Chi bằng chúng ta bỏ thức ăn thô này mà đi khất thực. Vì sao? Vì các Tỳ-kheo đi khất thực thường được thức ăn ngon, lại thấy sắc đẹp, có lúc lại nghe tiếng hay, có nhiều người quen biết, cũng được y phục, ngọt cụ, thuốc men.’

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ở trong thiền định, bắng thiền nhĩ nghe tiếng bàn luận của các Tỳ-kheo, liền đi đến nhà ăn... Nói đầy đủ như vậy, cho đến, “hướng đúng Niết-bàn.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 416. THỌ TRÌ (1)²⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-dà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông có thọ trì bốn Thánh đế mà Ta đã dạy không?”

Khi ấy, có một Tỳ-kheo từ chõ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đánh lỗ Phật, rồi chắp tay bạch Phật:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn, bốn Thánh đế mà Thế Tôn đã dạy, con đã thọ trì.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ngươi thọ trì bốn Thánh đế đó như thế nào?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Như lời Thế Tôn đã dạy: ‘Đây là Khổ Thánh đế’, con liền thọ trì; ‘đây là Khổ tập Thánh đế, đây là Khổ diệt Thánh đế, đây là Khổ

¹⁹. Tức thí chủ.

²⁰. Pāli, S. 56. 15. Dhāraṇa.

diệt đạo tích Thánh đế.’ Bạch Thế Tôn, bốn Thánh đế mà Thế Tôn đã dạy như vậy, con liền thọ trì.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Ta đã dạy về Khổ Thánh đế, ngươi đã thọ trì chân thật. Ta dạy Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, ngươi đều thọ trì chân thật.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 417. NHƯ NHU²¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông có thọ trì những gì mà Ta đã dạy về bốn Thánh đế không?”

Lúc ấy có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trích vai phải, vì Phật mà làm lễ, rồi chấp tay bạch Phật:

“Thưa vâng Thế Tôn, những gì mà Thế Tôn đã dạy về bốn Thánh đế, con đều đã thọ trì.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ngươi đã thọ trì như thế nào về bốn Thánh đế mà Ta đã dạy?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn nói khổ Thánh đế, con đều đã thọ trì, là như như, không lìa như, không khác như, chân thật, thẩm sát chân thật, không điên đảo, là lý chân thật của bậc Thánh²². Đó là Khổ Thánh đế. Thế Tôn dạy về Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, là như như, không lìa như, không khác như, chân thật, thẩm sát chân thật, không điên đảo, là lý chân thật của bậc Thánh. Đó gọi là bốn Thánh đế mà Thế Tôn đã dạy, con đều đã thọ trì.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

²¹. S. 56. 20, 27. Tathā.

²². Như như, bất ly như, bất dị như... 如如不離如不異如 . Pāli (S.v.430): cattārimāni bhikkhave tathāni avitathāni aññatathāni.

“Lành thay! Lành thay! Ông đã thọ trì chân thật về bốn Thánh đế mà Ta đã dạy là như như, không lìa như, không khác như, chân thật, thẩm sát chân thật, không điên đảo. Đó gọi là Tỳ-kheo thọ trì chân thật bốn Thánh đế của Ta.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 418. THỌ TRÌ (2)²³

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông có thọ trì những gì mà Ta đã dạy về bốn Thánh đế không?”

Khi ấy có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, vì Phật mà làm lễ, rồi chấp tay bạch Phật:

“Thưa vâng Thế Tôn, những gì mà Thế Tôn đã dạy về bốn Thánh đế, con đều đã thọ trì. Bốn đế là gì? Như Thế Tôn đã dạy là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, con cũng đều đã thọ trì.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Như những gì mà Ta đã dạy về bốn Thánh đế, ngươi đều đã thọ trì.

“Này các Tỳ-kheo, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào nói như vầy: ‘Như những gì mà Sa-môn Cù-dàm đã nói về Khổ Thánh đế, ta sẽ bỏ đi và sẽ lập lại Khổ Thánh đế khác.’ Điều đó chỉ có trên ngôn thuyết, nếu gạn hỏi đến thì họ sẽ không biết và càng làm tăng thêm sự nghi hoặc, vì đó không phải là cảnh giới. ‘Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế này ta sẽ bỏ đi, rồi sẽ lập lại bốn Thánh đế khác.’ Điều đó cũng chỉ có trên ngôn thuyết, nếu gạn hỏi đến thì họ chẳng biết và càng tăng thêm nghi hoặc cho họ, vì đó không phải là cảnh giới của họ.

²³. S. 56. 16. Dhāraṇa.

“Cho nên, Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế nếu chưa được hiện quán thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 419. NGHI (1)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào đối với Phật có nghi, đối với Khổ Thánh đế cũng có nghi; Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế cũng có nghi. Nếu đối với Pháp, Tăng có nghi thì đối với Khổ Thánh đế cũng có nghi; Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế cũng có nghi. Nếu người nào đối với Phật không nghi hoặc, đối với Khổ Thánh đế cũng không nghi hoặc; đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế cũng không nghi hoặc. Nếu người nào đối với Pháp, Tăng không nghi hoặc, đối với Khổ Thánh đế cũng không nghi hoặc; Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế cũng không nghi hoặc.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 420. NGHI (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với Khổ Thánh đế có nghi, thì đối với Phật cũng có nghi, đối với Pháp, Tăng có nghi. Đối với Khổ, Tập, Diệt, Đạo có nghi, thì đối với Phật cũng có nghi, đối với Pháp, Tăng có nghi. Nếu đối với Khổ Thánh đế không nghi, thì đối với Phật

cũng không nghi, đối với Pháp, Tăng không nghi. Người đối với Tập, Diệt, Đạo Thánh đế không nghi, thì đối với Phật cũng không nghi, đối với Pháp, Tăng không nghi.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 421. THÂM HIỂM²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông hãy đi cùng Ta đi đến vách núi sâu nguy hiểm²⁵. ”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thưa vâng Thế Tôn.”

Bấy giờ, Thế Tôn cùng đại chúng đến vách núi sâu nguy hiểm²⁶, trải tòa ngồi, sau khi đi quan sát chung quanh hang núi sâu hiểm trở xong, rồi bảo các Tỳ-kheo:

“Hang núi này thật là sâu và nguy hiểm.”

Lúc ấy có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đánh lỗ Phật, rồi chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, vách núi này thật là sâu hiểm, nhưng còn có thứ gì sâu hiểm cùng cực và đáng sợ hơn nó không?”

Phật biết ý của Tỳ-kheo này nên đáp liền:

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, vách núi này rất sâu hiểm, nhưng đối với nó còn có thứ sâu hiểm đáng sợ hơn nữa, đó là Sa-môn, Bà-la-môn không biết như thật Khổ Thánh đế; không biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Những vị

²⁴. S. 56. 42. Papāto.

²⁵. Thâm hiểm nham; xem cht. dưới. Pāli: ayāma, bhikkhave, yena paṭibhānakūṭa ten' upasam̄kamissāma divāvihārayā, này các Tỳ-kheo, chúng ta hãy đi lên ngọn Paṭibhānakūṭa (Biện tài đĩnh) để nghỉ trưa,

²⁶. Thâm hiểm nham 深險巖, vực thẳm sâu; bản Pāli: Thế Tôn lên ngọn Paṭibhāna, một Tỳ-kheo thấy một vực sâu nguy hiểm, kêu lên: mahā vatāyam bhante papāto subhayānako, Thế Tôn, lớn thay, vực thẳm dễ sợ này.

này hoan lạc nơi các hành vốn là cội gốc của sự sanh²⁷; hoan lạc nơi các hành vốn là cội gốc của sự già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, nã, mà tạo tác các hành này, khiến cho các hành lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, nã càng ngày càng tăng trưởng, để rơi vào chỗ sâu hiểm của lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, nã. Như vậy, Tỳ-kheo, cái này rất sâu hiểm; nguy hiểm hơn cả cái kia. Cho nên Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế nếu chưa hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 422. ĐẠI NHIỆT²⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có địa ngục Đại nhiệt²⁹. nếu chúng sanh nào sanh vào địa ngục này thì chỉ một mực chịu nóng cháy.”

Bấy giờ có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đánh lễ Phật, rồi chắp tay bạch Phật:

“Như Thế Tôn đã dạy, địa ngục Đại nhiệt này vô cùng nóng bức. Bạch Thế Tôn, chỉ có đây là cực kỳ nóng, hay còn có thứ nóng bức nào đáng sợ hơn, không còn đâu hơn?”

“Như vậy, Tỳ-kheo, địa ngục này tuy thật là nóng bức, nhưng cũng có thứ nóng bức đáng sợ hơn địa ngục ấy và không còn gì hơn. Những gì được gọi là thứ nóng bức đáng sợ hãi hơn địa ngục Đại nhiệt? Đó là Sa-môn, Bà-la-môn không biết như thật Khổ Thánh đế; không biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Như vậy, cho đến sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, nã là sự nóng bức thiêu đốt bừng bừng. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là sự nóng bức

²⁷. Sanh bốn chư hành lạc trước 生本諸行樂著. Pāli: jātisaṃvattanikesu saṃkhāresu abhiramanti, hoan lạc nơi các hành mà chúng dẫn đến sự thọ sanh.

²⁸. Cực kỳ nóng. Pāli, S. 56. 43. Parīlāha.

²⁹. Đại nhiệt địa ngục 大熱地獄. Pāli: Mahāparīlāha.

thiêu đốt bừng bừng thật đáng sợ, không còn gì hơn. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 423. ĐẠI ÁM³⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có địa ngục vô cùng tối tăm, các chúng sanh sanh ra nơi đó không thấy được các phần thân thể của mình³¹."

Bấy giờ, có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, vì Phật làm lễ, rồi chắp tay bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, địa ngục này vô cùng tối tăm. Chỉ có nơi này tối tăm hay còn có chỗ nào tối tăm hơn, đáng sợ hơn địa ngục này nữa?"

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Như vậy, còn có sự tối tăm đáng sợ hơn địa ngục này nữa. Đó là Sa-môn, Bà-la-môn đối với bốn Thánh đế không biết như thật, cho đến, rơi vào sự tối tăm cùng cực của sanh, lão, bệnh, tử, Ưu, bi, khổ, não. Cho nên, các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế, nếu chưa hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 424. MINH ÁM (I)³²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

³⁰. Cực kỳ đen tối. Pāli, S. 56. 46. Andhakāra.

³¹. Xem cht.33, kinh 424 dưới.

³². Xem kinh 423 trên.

“Như mặt trời vận hành chiếu sáng các thế giới. Cho đến cả ngàn mặt trời, ngàn mặt trăng, chiếu sáng ngàn thế giới, ngàn núi Tu di, ngàn Phất-bà-đề, ngàn Diêm-phù-đề, ngàn Câu-da-ni, ngàn Uất-đơn-việt, ngàn Tứ thiên vương, ngàn cõi Tam thập tam thiên, ngàn Diệm-ma thiên, ngàn Đâu-suất thiên, ngàn Hóa lạc thiên, ngàn Tha hóa tự tại thiên, ngàn Phạm thiên. Đó gọi là Tiểu thiên thế giới. Khoảng giữa một ngàn thế giới này có chỗ tối tăm, dù có ánh sáng mặt trời, mặt trăng chiếu sáng, có sức oai đức lớn cũng không thấy được. Những chúng sanh sanh ra những nơi này không thấy các phần thân thể của mình³³. ”

Bấy giờ, có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, vì Phật làm lễ, rồi chắp tay, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, như Thế Tôn nói, chỗ này vô cùng tối tăm. Chỉ có nơi này tối tăm hay còn có chỗ nào tối tăm hơn, đáng sợ hơn địa ngục này nữa?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Như vậy, còn có sự tối tăm đáng sợ hơn địa ngục này nữa. Đó là Sa-môn, Bà-la-môn đối với bốn Thánh đế không biết như thật, cho đến, rơi vào sự tối tăm cùng cực của sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Cho nên, các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế, nếu chưa hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 425. MINH ÁM (2)³⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương

³³. Pāli (S.v.454): atthi, bhikkhave, lokantarikā aghā asaṃvutā andhakārā andhakāratimisā, yattham imesaṃ candimasūriyānam evaṃmahiddhikānam evaṃ mahānubhāvānam ābhāya nānubhontī ti, có một chỗ tối tăm, sâu thẳm tối tăm không đáy, ở khoảng giữa các thế giới, không có vòm trời che; chỗ đó, ánh sáng của mặt trời, mặt trăng vốn có thần lực như vậy, mà không chiếu tới được.

³⁴. Gần giống kinh 424 trên.

xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Từ Tiểu thiên thế giới, con số được nhân lên đến một ngàn, thì đó gọi là Trung thiên thế giới. Khoảng giữa Trung thiên thế giới có chỗ tối tăm...” như trên đã nói, cho đến, “đối với bốn Thánh đế, nếu chưa hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
**

KINH 426. MINH ÁM (3)³⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Từ Trung thiên thế giới, con số được nhân lên đến một ngàn, thì đó gọi là Tam thiên đại thiên thế giới. Khoảng giữa các thế giới này là chỗ tối tăm. Dù có mặt trời, mặt trăng vận hành, chiếu khắp thế giới đi nữa, nhưng những chúng sanh kia vẫn không thấy,...” cho đến “... rơi vào chỗ tối tăm của sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, nã. Cho nên các Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế, nếu chưa hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
**

KINH 427. THÁNH ĐẾ³⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về bốn Thánh đế. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Bốn đế là gì? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh

³⁵ Gần tương đồng các kinh 424, 425 trên.

³⁶ Pāli, S. 56. 29. Pariññeyyaṃ (cần được biến tri).

đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Đó gọi là bốn Thánh đế.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh “Đương thuyết” (Ta sē nói) trên, cũng vậy, các kinh:

- *Có (bốn Thánh đế);*
- *Nên biết (bốn Thánh đế).*

Cũng nói như trên.

**
*

KINH 428. THIỀN TƯ³⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nên chuyên cần thiền định tư duy³⁸, phát khởi chánh phuong tiện³⁹, để nội tâm tịch tĩnh. Vì sao? Vì Tỳ-kheo nào thiền định tư duy, nội tâm tịch tĩnh đã thành tựu rồi, thì sẽ hiển hiện như thật⁴⁰. Hiển hiện như thật những gì? Hiển hiện như thật Khổ Thánh đế; hiển hiện như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 429. TAM-MA-ĐÈ⁴¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

³⁷. Pāli, S. 56. 2. Paṭisallāna (sống độc cư).

³⁸. **Đương cần thiền tư.** Pāli: paṭisallāne bhikkhave yogam āpajjatha, hãy tu tập chuyên cần ở nơi nhàn tĩnh độc cư.

³⁹. Chánh phuong tiện, tức chánh tinh tấn.

⁴⁰. Pāli (S.v.141): paṭisallāno...bhikkhu yathābhūtam pajānāti, Tỳ-kheo tịch tĩnh độc cư thì liễu tri như thật (về bốn Thánh đế).

⁴¹. S. 56. 1. Samādhi.

“Nên tu vô lượng Tam-ma-đề⁴², chuyên tâm chánh niệm. Vì sao? Vì khi tu vô lượng Tam-ma-đề, chuyên tâm chánh niệm rồi, thì sẽ hiển hiện như thật như vậy. Hiển hiện như thật những gì? Hiển hiện như thật Khổ Thánh đế; hiển hiện như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 430. TRƯỢNG (1)⁴³

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Như người ném gậy lên giữa hư không, gậy liền rơi trở xuống, hoặc gốc chạm đất, hoặc thân chạm đất, hoặc đầu chạm đất. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào, không biết như thật về Khổ.Thánh đế; không biết như thật về Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, nên biết, Sa-môn, Bà-la-môn này, hoặc đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào súc sanh, hoặc đọa vào ngạ quỷ. Cho nên các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 431. TRƯỢNG (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Như người ném gậy lên giữa hư không, gậy liền rơi trở xuống, hoặc rơi xuống đất sạch, hoặc rơi xuống đất không sạch. Cũng vậy,

⁴². Tức tu định. Pāli: samādhiṃ bhikkhave bhāvetha..

⁴³. Cây gậy. Pāli, S. 56. 33. Danh

nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào, không biết như thật về Khổ Thánh đế; không biết như thật về Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, vì không biết như thật, cho nên hoặc sanh vào đường lành, hoặc sanh vào đường ác. Thế nên các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế, nếu chưa hiện quán, phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 432. NGŨ TIẾT LUÂN

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Như cái bánh xe có năm tiết liên tục⁴⁴. Một người đại lực sĩ có thể quay nhanh bánh xe này. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào không biết như thật về Khổ Thánh đế, không biết như thật về Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, sẽ bị luân hồi trong năm đường, xoay vần một cách nhanh chóng; hoặc đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào súc sanh, hoặc đọa vào ngạ quỷ, hoặc Trời, hoặc Người, rồi lại đọa vào đường ác, trường kỳ luân chuyển. Cho nên Tỳ-kheo nào đối với bốn Thánh đế, nếu chưa hiện quán, nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 433. TĂNG THƯỢNG THUYẾT PHÁP

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp tăng

⁴⁴. Ngũ tiết tương tục luân 五 節 相 繼 輪, bánh xe có năm nan.

thượng⁴⁵; nghĩa là bốn Thánh đế được khai thị, được thi thiết, được kiến lập, được phân biệt, được diễn giải, bày hiển hiện, được biểu lộ⁴⁶. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn mãnh liệt, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 434. HIỆT TUỆ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là hiệt tuệ⁴⁷? Có phải là biết như thật về Khổ Thánh đế, về Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, hay không biết?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, theo như sự hiểu biết của chúng con về những lời dạy của Phật, đối với bốn Thánh đế mà biết như thật, thì đó gọi là hiệt tuệ.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Nếu đối với bốn Thánh đế mà biết như thật, đó gọi là hiệt tuệ. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn mãnh liệt, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

⁴⁵. Tăng thượng thuyết pháp 增上說法.

⁴⁶. Các cách thuyết pháp của Phật, Pāli: ācikkhananā (tuyên thuyết, công bố), desanā (giáo huấn, chỉ thị), paññāpanā (thi thiết, quy định), vivaraṇā (khai thị, khai hiển), vibhajana (phân biệt, phân tích).

⁴⁷. Hiệt tuệ 黯慧, nhận thức lão luyện, sâu sắc. Pāli: paṇḍita.

KINH 435. TU-ĐẠT⁴⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, gia chủ Tu-đạt-đa⁴⁹ đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, bốn Thánh đế này phải hiện quán theo thứ lớp hay phải hiện quán tức thời⁵⁰? ”

Phật bảo gia chủ:

“Bốn Thánh đế này phải hiện quán theo thứ lớp, chứ không phải hiện quán tức thời.”

Phật bảo gia chủ:

“Nếu có người bảo: ‘Đối với Khổ Thánh đế chưa hiện quán mà đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế có thể hiện quán’, lời nói này không đúng. Vì sao? Vì đối với Khổ Thánh đế nếu chưa hiện quán mà đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế muốn hiện quán thì điều này không thể có được. Cũng giống như người lấy hai lá cây nhỏ⁵¹ xếp lại làm đồ đựng nước mang đi thời không thể có được. Cũng vậy, đối với Khổ Thánh đế chưa hiện quán mà đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế muốn hiện quán,’ thì điều này không thể có được.

“Như có người lấy lá sen kết lại làm đồ chứa nước đem đi, thì việc này có thể có được. Cũng vậy, này gia chủ, đối với Khổ Thánh đế đã hiện quán rồi, thì đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế có thể hiện quán,’ điều này có thể có được. Cho nên, gia chủ, đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn mãnh liệt, tu học hiện quán.”

⁴⁸. Tu-đạt, tên thật của ông Cấp cô độc. Pāli: Sudatta.

⁴⁹. Tu-đạt trưởng giả 須達長者. Pāli: Sudatta-gahapati.

⁵⁰. Tiệm thứ vô gián đẳng, đốn vô gián đẳng 漸次無間等頓無間等.

⁵¹. Tế diệp; xem cht.90, kinh 397.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 436. ĐIỆN ĐƯỜNG (1)⁵²

Như điều trưởng giả Tu-đạt đã hỏi ở kinh trên, có Tỳ-kheo khác hỏi Đức Phật, cũng được nói như vậy. Chỉ có sai biệt nơi thí dụ:

“Như có con đường bốn bậc thềm đi lên điện đường. Nếu có người nói: ‘Không cần lên bậc thứ nhất mà lên ngay bậc thứ hai, thứ ba, thứ tư, lên điện đường,’ thì điều này không thể có được. Vì sao? Phải do bậc đầu tiên rồi sau đó đến bậc thứ hai, bậc thứ ba, bậc thứ tư để lên được đến điện đường. Cũng vậy, Tỳ-kheo đối với Khổ Thánh để chưa hiện quán mà đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế muốn hiện quán’, thì điều này không thể có được.

“Này Tỳ-kheo, nếu có người nói: ‘Bằng bốn bậc thềm đưa lên điện đường, nhưng phải do từ bậc thềm đầu, rồi sau đó đến bậc thứ hai, bậc thứ ba, bậc thứ tư mới lên được điện đường,’ nói như vậy thì mới đúng. Vì sao? Vì phải do bậc thềm đầu tiên, sau đó mới leo lên bậc thềm thứ hai, thứ ba, thứ tư rồi lên được điện đường, việc này có thể có được. Cũng vậy Tỳ-kheo, nếu đối với Khổ Thánh đế đã hiện quán rồi, thì tuần tự đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế có thể hiện quán,’ nên nói như vậy. Vì sao? Vì đối với Khổ Thánh đế đã hiện quán, sau đó theo thứ lớp đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế hiện quán, việc này có thể có được.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

^{52.} Pāli, S. 56. 44. Kūṭāgāra.

KINH 437. ĐIỆN ĐƯỜNG (2)

Như Tỳ-kheo đã hỏi ở kinh trên, những điều Tôn giả A-nan hỏi, Đức Phật cũng dạy như vậy, chỉ có thí dụ là sai khác, Phật bảo A-nan:

“Như cái thang có bốn bậc đưa lên điện đường. Nếu có người nói: ‘Không cần nhờ vào bậc ban đầu mà lên ngay bậc thứ hai, bậc thứ ba, bậc thứ tư là lên được điện đường,’ thì không thể có được. Cũng vậy A-nan, nếu đối với Khổ Thánh đế chưa hiện quán mà đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế muốn hiện quán,’ điều này không thể có được. Vì sao? Vì nếu đối với Khổ Thánh đế chưa hiện quán mà đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế muốn hiện quán thì không thể có được.

“Này A-nan, như cái thang có bốn bậc đưa lên điện đường, nếu có người nói: ‘Phải do bậc đầu tiên, sau đó mới lên bậc thứ hai, thứ ba, thứ tư rồi lên tới điện đường,’ nói như vậy mới đúng. Vì sao? Vì phải do vào bậc đầu tiên, tuần tự lên bậc thứ hai, thứ ba, thứ tư rồi mới tới điện đường, thì điều này có thể có được. Cũng vậy, A-nan đối với Khổ Thánh đế đã hiện quán rồi, tuần tự đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế có thể hiện quán;’ điều này có thể có được.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 438. CHÚNG SANH⁵³

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Như lấy hết cây cổ trên quả đất này, dùng làm cây thương⁵⁴ và

⁵³. S. 56. 36. Pājā.

⁵⁴. Thương 銮: trong Khang Hy, từ này chỉ tiếng khua của châu ngọc. Có lẽ là 槟. Pāli: sūla, cây giáo, hay cái cọc nhọn.

xâu hết tất cả các loài thủy vật trong biển lớn; có thể xuyên suốt được tất cả không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không thể được. Vì sao? Vì những con vật ở trong biển lớn đủ các hình tướng, chủng loại, hoặc có loài nhỏ quá, không thể xâu được, hoặc lớn quá, cũng không thể xâu được."

Phật bảo Tỳ-kheo:

"Đúng vậy, đúng vậy! Chúng sanh giới vô số vô lượng. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn mãnh liệt, tu học hiện quán."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 439. TUYẾT SƠN⁵⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn cầm một cục sạn⁵⁶, rồi hỏi các Tỳ-kheo:

"Các ông nghĩ sao? Sạn trong tay Ta đây là nhiều hay sạn ở núi Tuyết lớn nhiều?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, sạn trong tay của Thế Tôn rất ít, còn sạn ở núi Tuyết thì nhiều trăm, muôn ngàn, ức, vô lượng, không thể dùng toán số, thí dụ để so sánh được."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Những chúng sanh mà biết như thật Khổ Thánh đế, biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế thì ít như sạn ở trong tay Ta đang cầm. Còn những chúng sanh kia mà không biết như thật đối với Khổ Thánh đế, không biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế thì nhiều

⁵⁵. S. 56. 49-50. Sineru.

⁵⁶. Hán: thổ thạch 土石. Pāli, Phật so sánh bảy viên sỏi nhỏ bằng hạt cải (satta muggamattiyo pāsāṇakkharā) và núi chúa Tu-di (Sineru).

như sạn ở núi Tuyết, nhiều đến vô lượng. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 440. HỒ TRÌ ĐẮNG⁵⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Như ao hồ, sâu rộng năm mươi do tuần, nước đầy tràn. Nếu có người dùng một sợi tóc, hoặc sợi lông, hoặc đầu ngón tay thấm vào nước hồ này cho đến ba lần, thì thế nào, này các Tỳ-kheo, giọt nước thấm của người kia nhiều hay nước trong hồ nhiều?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nước trên sợi tóc, sợi lông, hay đầu ngón tay của người này rất ít, còn nước trong hồ thì nhiều vô lượng, vô số cho đến không thể dùng toán số, thí dụ để so sánh được.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Nhiều như nước trong hồ lớn, nhiều vô lượng, là gốc rễ khổ bị cắt đứt như cây đa la bị chặt ngọn, thành các pháp không tái sanh trong tương lai, mà đa văn Thánh đệ tử đoạn trừ khi thành tựu kiến đế⁵⁸, đắc Thánh đạo quả. Những gì còn sót chưa đoạn tận, chỉ ít như nước đầu sợi tóc, sợi lông, ngón tay của người kia mà thôi. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁵⁷. Thí dụ về ao hồ và các thứ khác nữa. Pāli, S. 56. 52. Pokkharanī.

⁵⁸. Kiến đế, thấy được Thánh đế. Pāli: ariyasāvakassa ditthisampannassa puggalassa abhisametāvino, đối với Thánh đệ tử đã thành tựu kiến, đã đắc hiện quán (Đây chỉ Thánh giả Tu-dà-hoàn).

Như ví dụ hồ nước lớn, cũng vậy những ví dụ về hồ Tát-la-da-traca, Hằng-già, Da-phù-na, Tát-la-du, Y-la-bat-dề, Ma-hê⁵⁹, cùng bốn biển lớn cũng nói như trên.

**

KINH 441. THỔ⁶⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn tay cầm một hòn đất, lớn bằng trái lê⁶¹, bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào, các Tỳ-kheo, hòn đất trong tay Ta nhiều hay đất trong núi Tuyết nhiều?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thưa, hòn đất trong tay Thế Tôn rất ít, còn đất tại núi chúa Tuyết thì thật nhiều, nhiều đến trăm ngàn ức na do tha, cho đến không thể dùng toán số, thí dụ để so sánh được.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Những chúng sanh mà biết như thật Khổ Thánh đế, biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế cũng ít như hòn đất Ta đang cầm ở trong tay. Những chúng sanh mà không biết như thật khổ Thánh đế, không biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, nhiều hơn đất ở núi chúa Tuyết. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế này, nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như núi chúa Tuyết. Cũng vậy các ví dụ về núi Ni-dân-dà-la, Tỳ-na-dà-ca, Mā-nhī, Thiện kiến, Khu-dè-la-ca, Y-sa-dà-la, Du-kiền-dà-la,

^{59.} Tên các con sông lớn ở Ấn Độ: Sambejja, Gaṅgā, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī.

^{60.} Đất. Pāli, S.56. 55-60. Pathavī, v.v...

^{61.} Pāli: satta kolaṭṭhimattiyo guṇikā, hòn đất lớn bằng hạt của quả táo.

Tu-di sơn vương⁶² và đất đai trên đại địa cũng lại như vậy. Như du trái lê, cũng vậy các ví dụ trái A-ma-lặc-ca, Bạt-dà-la, Ca-la-ca, quả đậu, cho đến ví dụ tép tỏi cũng nói như vậy.

**

KINH 442. TRẢO GIÁP⁶³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng trong móng tay khự một ít đất, rồi nói với các Tỳ-kheo:

“Các ông nghĩ thế nào, đất trên móng tay Ta nhiều, hay đất ở đại địa này nhiều?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đất trong móng tay của Thế Tôn là rất ít, ít lắm, còn đất ở đại địa thì nhiều vô lượng, cho đến không thể dùng toán số, hay thí dụ để so sánh được.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Cũng như vậy, thân hình các chúng sanh mà có thể thấy được thì như đất trên móng tay; còn thân hình của chúng sanh vi tế không thể thấy được nhiều như đất trên đại địa. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế, nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tích cực, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như đất liền nói trên, về thủy tánh cũng lại như vậy.

Các kinh khác tương tự:⁶⁴

- “Ít như đất trên móng tay, cũng vậy, những chúng sanh được sanh ra trong cõi người;
- “Loại không được làm người cũng như đất đại địa.

^{62.} Pāli, núi Tudi (Sineru) và 7 núi chung quanh: Nemindhara, Vinataka, Assakanha, Sudassana, Karavīka, Tsadhara, Yugandhara.

^{63.} Móng tay. Pāli, S. 56. 51. Nakkhasikho.

^{64.} Tóm tắt có ba mươi kinh.

- “Những chúng sanh được sanh ra nơi có văn minh (đô thị) cũng như đất dính trên móng tay;
- “Được sanh ra nơi biên địa cũng như đất trên đại địa.
- “Người thành tựu Thánh tuệ nhẫn cũng như đất trên móng tay;
- “Người không thành tựu Thánh tuệ nhẫn cũng như đất ở đại địa.
- “Những chúng sanh biết được pháp luật này, cũng như đất dính trên móng tay;
- “Chúng sanh không biết pháp luật cũng như đất ở đại địa.
- “Như biết, cũng vậy: biết bình đẳng, biết khắp tất cả, chánh tưởng, chánh giác, chánh giải, pháp hiện quán cũng như vậy.
- “Những chúng sanh biết có cha mẹ, thì cũng như đất dính trên móng tay;
- “Số chúng sanh không biết đến có mẹ cha cũng như đất ở đại địa.
- “Những chúng sanh biết có bậc tôn trưởng của dòng Sa-môn, Bà-la-môn và làm những điều cần làm phước đời này, đời khác, sợ tội thường bối thí, ăn chay giữ giới thì cũng như đất dính trên đầu móng tay;
- “Số chúng sanh không biết có bậc tôn trưởng của dòng Sa-môn, Bà-la-môn, làm những điều phước cần ở đời này, đời khác, sợ tội lối thường bối thí, ăn chay, giữ giới thì cũng như đất ở đại địa.
- “Những chúng sanh không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không nói hai lưỡi, không ác khẩu, không nói thêu dệt thì cũng như đất trên móng tay;
- “Số chúng sanh không giữ gìn giới luật thì cũng như đất ở đại địa.
- “Cũng vậy, những chúng sanh lìa tham nhuế, tà kiến và chúng sanh không lìa tham nhuế, tà kiến cũng nói như vậy.
- “Những chúng sanh không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu, ít như đất dính trên móng tay;
- “Số chúng sanh không giữ gìn năm giới nhiều như đất ở đại địa.
- “Những chúng sanh giữ gìn tám giới thì cũng như đất dính trên móng tay;

- “Số chúng sanh không giữ gìn tám giới thì cũng như đất ở đại địa.
- “Những chúng sanh giữ gìn mười điều lành thì cũng như đất trên móng tay;
- “Số chúng sanh không giữ mười điều lành thì cũng như đất ở đại địa.
- “Những chúng sanh từ địa ngục, sau khi chết rồi được sanh làm người thì cũng như đất dính trên móng tay;
- “Số chúng sanh từ địa ngục sau khi chết trở lại sanh vào địa ngục, hoặc súc sanh, hay ngạ quỷ thì cũng như đất ở đại địa.
- “Những chúng sanh từ địa ngục sau khi chết được sanh lên cõi trời thì cũng như đất dính trên móng tay;
- “Số chúng sanh từ địa ngục, hoặc súc sanh, hay ngạ quỷ sau khi chết trở lại sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì cũng như đất ở đại địa.
- “Những chúng sanh ở loài người sau khi chết rồi sanh trở lại làm người thì cũng như đất dính trên móng tay;
- “Số chúng sanh ở loài người sau khi chết sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì cũng như đất ở đại địa.
- “Những chúng sanh từ cõi trời sau khi chết trở lại sanh vào cõi Trời thì cũng như đất dính trên móng tay;
- “Số chúng sanh ở cõi Trời sau khi chết sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì cũng như đất ở đại địa.”

**
*

KINH 443. TÚ THÁNH ĐẾ DĨ SANH

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Trước kia, khi Ta chưa nghe pháp, đã có được chánh tư duy rằng, ‘Đây là Khổ Thánh đế’, chánh kiến đã phát sanh; ‘Đây là Khổ tập Thánh đế, đây là Khổ diệt Thánh đế, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế’, chánh kiến đã phát sanh.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như kinh nói về đã sanh. Cũng vậy, đang sanh, sẽ sanh; kinh nói về khởi, tập, cận (gần), tu, tu nhiều, xúc, tác chứng cũng như vậy.⁶⁵

**

KINH 444. NHÂN DƯỢC HOÀN⁶⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Như viên thuốc chữa mắt, rộng sâu một do tuần⁶⁷. Nếu có người nào lấy viên thuốc này đặt vào trong mỗi mỗi giới⁶⁸, có thể khiến cho hết nhanh chóng⁶⁹, nhưng đối với các giới kia cũng không thể cùng biên tế của nó được. Nên biết, số lượng các giới nhiều đến vô lượng. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy học giới loại thiện. Đối với chủng loại sai biệt của giới thiện, hãy học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 445. BỈ TÂM⁷⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ, thì bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁶⁵. Tóm tắt có chín kinh.

⁶⁶. Ấn Thuận, tụng iii Tạp nhân, “5. Tương ưng Giới”, gồm ba mươi bảy kinh, Đại Chánh hai mươi hai kinh: 444-465. phần lớn tương đương Pāli, S.14. Dhātu-saṃyutta, Viên thuốc chữa mắt.

⁶⁷. Ý nói, số lượng viên thuốc được tập hợp lại.

⁶⁸. Chỉ cách tính số lượng: mỗi giới loại (chủng loại) đặt một viên.

⁶⁹. Số viên thuốc hết nhanh, nhưng số giới chưa hết.

⁷⁰. Tâm hèn mọn. Pāli, S. 14. 14. Hinādhimutti (Ý chí hèn kém).

“Chúng sanh thường tụ hội theo giới, hòa hợp với giới⁷¹. Thế nào là chúng sanh thường tụ hội cảnh giới? Khi chúng sanh hành tâm bất thiện thì cùng tụ hội với cảnh giới bất thiện⁷². Khi tâm hành thiện thì cùng tụ hội với giới thiện. Thiện tâm đi cùng với thiện giới. Thắng tâm đi cùng thắng giới. Tâm hèn cùng đi với giới hèn. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy học như vậy, chủng loại sai biệt của giới thiện.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 446. KỆ (I)⁷³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

Nói đầy đủ như trên, chỉ khác là nói thêm bài kệ này:

*Thường hợp nên thường sanh,
Lìa nhau, thì sanh dứt.
Như người ôm gỗ nhỏ,
Mà vào trong biển lớn;
Người, gỗ đều bị chìm.
Biếng nhác cũng như vậy.
Nên lìa xa biếng nhác;
Siêng năng hạng thấp hèn.
Hiền thánh không giải đãi;
An trụ nơi viễn ly,
Thiền tịnh tấn ân cần,
Vượt qua dòng sanh tử.
Như sơn gãp lụa trắng;*

⁷¹. Pāli: dhātusova bhikkhave sattā saṃsandanti samenti, chúng sanh giao tiếp theo giới, tập hợp theo giới. Ở đây, giới hay giới loại được hiểu là tính chất (đồng loại tương quan).

⁷². Pāli: hīnādhimuttikā hīnādhimuttikehi saddhim..., bản tánh thấp hèn thì đi với bản tánh thấp hèn.

⁷³. Pāli, S. 14. 16. Sagathā.

*Lửa gấp gió cháy bùng,
Ngọc và sữa cùng sắc;
Chúng sanh cùng theo giới,
Tương tự thì hòa hợp,
Tăng trưởng cũng như vậy.*

**
*

KINH 447. HÀNH⁷⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-dà, thành Vương xá. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh thường tụ hội theo giới, hòa hợp với giới⁷⁵. Thế nào là chúng sanh thường tụ hội cảnh giới? Khi chúng sanh hành tâm bất thiện thì cùng tụ hội với cảnh giới bất thiện. Khi tâm hành thiện thì cùng tụ hội với giới thiện. Thiện tâm đi cùng với thiện giới. Thất tâm đi cùng thất giới.

Bấy giờ, Tôn giả Kiều-trần-như cùng với nhiều Tỳ-kheo đang đi kinh hành gần đó. Tất cả đều là những Đại đức, Thượng tọa, đa văn, xuất gia đã lâu, tu tập đầy đủ phạm hạnh.

Lại có Tôn giả Đại Ca-diếp cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều ít muối, biết đủ, đầu đà, khổ hạnh, không chứa đồ dư.

Tôn giả Xá-lợi-phất cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều là những bậc Đại trí biện tài.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều là những bậc có sức thần thông lớn.

Tôn giả A-na-luật-dà cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều được thiền nhän sáng suốt.

Bấy giờ, cũng có Tôn giả Nhị-thập-ức-nhī, cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều dōng mãnh, tinh tấn, chuyên cần tu hành.

⁷⁴. S. 14. 15. Kammaṇi.

⁷⁵. Xem cht.71, kinh 445.

Lại có Tôn giả Đà-phiêu cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều vì đại chúng sửa sang các thứ cúng dường đầy đủ.

Tôn giả Ưu-ba-ly cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều thông đạt luật hạnh.

Tôn giả Phú-lâu-na cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều là những bậc biện tài, thuyết pháp.

Lại có Tôn giả Ca-chiên-diên cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều có khả năng phân biệt các kinh, khéo nói pháp tướng.

Khi đó cũng có Tôn giả A-nan cùng với nhiều Tỳ-kheo đi kinh hành gần đó. Tất cả đều là những bậc tổng trì đa văn.

Lại có Tôn giả La-hầu-la cùng với nhiều Tỳ-kheo cũng đi kinh hành gần đó. Tất cả đều khéo giữ gìn luật hạnh.

Khi đó cũng có Tôn giả Đề-bà-đạt-đa cùng với nhiều Tỳ-kheo đang đi kinh hành gần đó. Tất cả đều huân tập nhiều ác hạnh.

Đó gọi là Tỳ-kheo thường cùng đi và hòa hợp với nhau. Cho nên, Tỳ-kheo, nên khéo phân biệt các giới loại sai biệt.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 448. KỆ (2)⁷⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Nói đầy đủ như kinh trên. Phật liền nói kệ:

*Thường hợp nên thường sanh,
Lìa nhau, thì sanh dứt.
Như người ôm gỗ nhỏ,
Mà vào trong biển lớn;
Người, gỗ đều bị chìm.*

^{76.} Như kinh 486.

*Biếng nhác cũng như vậy.
Nẹn lìa xa biếng nhác;
Siêng năng hạng thấp hèn.
Hiền thánh không giải đãi;
An trụ nơi viễn ly,
Thiền tinh tấn ân cần,
Vượt qua dòng sanh tử.
Như sơn găp lụa trăng;
Lửa găp gió cháy bừng,
Ngọc và sữa cùng sắc;
Chúng sanh lùng theo giới,
Tương tự thì hòa hợp,
Tăng trưởng cũng như vậy.*

**

KINH 449. GIỚI HÒA HỢP⁷⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh thường tụ hội theo giới, hòa hợp với giới. Nói đầy đủ như trên... cho đến,

“Thắng tâm đi cùng thắng giới. Tâm hèn cùng đi với giới hèn. Khi sát sanh thì đi cùng giới sát sanh. Khi tâm trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu thì đi cùng giới trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu. Khi tâm không sát sanh đi cùng giới không sát sanh. Khi tâm không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu đi cùng giới không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Cho nên, Tỳ-kheo, phải khéo phân biệt các giới loại sai biệt.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

⁷⁷. S. 14. 12. Sanidānam.

KINH 450. TINH TẤN

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh thường tự hội theo giới, hòa hợp với giới. Khi bất tín thì đi cùng giới bất tín. Khi phạm giới thì đi cùng giới phạm giới. Khi không tàm không quý thì đi cùng giới không tàm không quý. Khi có lòng tín thì đi cùng giới có tín. Khi trì giới thì đi cùng giới trì giới. Khi tâm có tàm có quý thì đi cùng giới có tàm có quý. Cho nên, Tỳ-kheo, phải khéo phân biệt các giới loại sai biệt.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như tín hay bất tín. Cũng vậy: tinh tấn hay không tinh tấn, thất niêm hay không thất niêm, chánh thọ hay không chánh thọ, đa văn hay thiểu văn, xan lân hay bối thí, ác tuệ hay thiện tuệ, khó nuôi hay dễ nuôi, khó thỏa mãn hay dễ thỏa mãn, ham muốn nhiều hay ham muốn ít, biết đủ hay không biết đủ, điều phục hay không điều phục, tất cả đều đi cùng giới đó. Như kinh trên đã nói đầy đủ.⁷⁸

**
*

KINH 451. GIỚI⁷⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Hôm nay Ta sẽ nói về các chủng loại sai biệt của giới⁸⁰. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

“Thế nào là các giới? Nhãm giới, sắc giới, nhãm thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới,

⁷⁸. Tóm tắt mười một kinh.

⁷⁹. S. 14. 1. Dhātu.

⁸⁰. Chủng chủng giới 種 種 界. Pāli: dhātunānattam, sự đa dạng của giới (loại).

pháp giới, ý thức giới. Đó gọi là các thứ giới.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 452. XÚC (1)⁸¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Do duyên các chủng loại sai biệt giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt xúc. Do duyên các chủng loại sai biệt xúc nên sanh ra các chủng loại sai biệt thọ. Do duyên các chủng loại sai biệt thọ nên sanh ra các chủng loại sai biệt ái.

“Thế nào là các chủng loại sai biệt giới? Mười tám giới: nhãm giới, sắc giới, nhãm thức giới... cho đến ý giới, pháp giới, ý thức giới. Đó gọi là các chủng loại sai biệt của giới.

“Thế nào là do duyên các chủng loại sai biệt giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt xúc... cho đến, thế nào là do duyên các chủng loại sai biệt của thọ nên sanh ra các chủng loại sai biệt của ái? Do duyên nhãm giới nên sanh ra nhãm xúc. Do duyên nhãm xúc nên sanh ra nhãm thọ. Do duyên nhãm thọ nên sanh ra nhãm ái. Cũng vậy, đối với nhĩ, tỳ, thiệt, thân, ý, giới làm duyên nên sanh ra ý xúc. Do duyên ý xúc nên sanh ra ý thọ. Do duyên ý thọ sanh ra ý ái.

“Này các Tỳ-kheo, không phải do duyên các chủng loại sai biệt của ái nên sanh ra các chủng loại sai biệt của thọ. Không phải do duyên các chủng loại sai biệt của thọ nên sanh ra các chủng loại sai biệt của xúc. Không phải do duyên các chủng loại sai biệt của xúc nên sanh ra các chủng loại sai biệt của giới. Chính là do duyên các chủng loại sai biệt của giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt của xúc. Do duyên các chủng loại sai biệt của xúc nên sanh ra các chủng loại sai biệt của thọ. Do duyên các chủng loại sai biệt của thọ nên sanh ra các chủng loại sai biệt của ái. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là do duyên các chủng loại sai biệt của giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt của xúc.

^{81.} S. 14. 2-5. Samphassa, v.v..

Do duyên các chủng loại sai biệt của xúc nên sanh ra các chủng loại sai biệt của thọ.. Do duyên các chủng loại sai biệt của thọ nên sanh ra các chủng loại sai biệt của ái.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
**

KINH 453. XÚC (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Do duyên các chủng loại sai biệt giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt xúc. Do duyên các chủng loại sai biệt xúc nên sanh ra các chủng loại sai biệt thọ. Do duyên các chủng loại sai biệt thọ nên sanh ra các chủng loại sai biệt ái.

“Thế nào là các chủng loại sai biệt giới? Mười tám giới: nhãm giới, sắc giới, nhãm thức giới,... cho đến, ý giới, pháp giới, ý thức giới. Đó gọi là các chủng loại sai biệt của giới.

“Thế nào là do duyên các chủng loại sai biệt giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt xúc; do duyên các chủng loại sai biệt xúc nên sanh ra các thọ; do duyên các chủng loại sai biệt thọ nên sanh ra các chủng loại sai biệt ái? Do duyên nhãm giới nên sanh ra nhãm xúc. Không phải do duyên nhãm xúc sanh ra nhãm giới, mà là duyên nhãm giới nên sanh ra nhãm xúc. Do duyên nhãm xúc nên sanh ra nhãm thọ. Không phải duyên nhãm thọ sanh ra nhãm xúc, mà là duyên nhãm xúc nên sanh ra nhãm thọ. Do duyên nhãm thọ nên sanh ra nhãm ái. Không phải duyên nhãm ái nên sanh ra nhãm thọ, mà là duyên nhãm thọ nên sanh ra nhãm ái. Cũng vậy, đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; duyên ý giới nên sanh ra ý xúc. Không phải duyên ý xúc sanh ra ý giới, mà là duyên ý xúc nên sanh ra ý thọ. Không phải duyên ý thọ sanh ra ý xúc, mà duyên ý xúc nên sanh ra ý thọ. Do duyên ý thọ nên sanh ra ý ái. Không phải duyên ý ái sanh ra ý thọ, mà duyên ý thọ nên sanh ra ý ái. Cho nên, Tỳ-kheo, không phải vì sanh các chủng loại sai biệt ái sanh ra các chủng loại sai biệt thọ. Không phải vì duyên các thọ sanh ra các xúc, cũng không phải vì

duyên các xúc sanh ra các giới, mà chỉ có vì duyên các giới nêu sanh ra các xúc. Do duyên các chủng loại sai biệt xúc nêu sanh ra các chủng loại sai biệt thọ; vì duyên các chủng loại sai biệt thọ nêu sanh ra các chủng loại sai biệt ái. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là nêu khéo phân biệt các chủng loại sai biệt giới.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 454. TUỞNG (1)⁸²

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Do duyên các chủng loại sai biệt giới nêu sanh ra các chủng loại sai biệt xúc. Do duyên các chủng loại sai biệt xúc nêu sanh ra các chủng loại sai biệt thọ. Do duyên các chủng loại sai biệt thọ nêu sanh ra các chủng loại sai biệt tưởng. Do duyên các chủng loại sai biệt tưởng nêu sanh ra các chủng loại sai biệt dục. Do duyên các chủng loại sai biệt dục nêu sanh ra các giác⁸³. Do duyên các chủng loại sai biệt giác nêu sanh ra các chủng loại sai biệt nhiệt; vì duyên các thứ nhiệt nêu sanh ra các chủng loại sai biệt cầu⁸⁴.

“Thế nào là các chủng loại sai biệt giới? Mười tám: Nhãm giới... cho đến pháp giới.

“Thế nào là do duyên các chủng loại sai biệt giới nêu sanh ra các chủng loại sai biệt xúc... cho đến, duyên các thứ nóng bức nêu sanh ra các mong cầu? Do duyên nhãm giới nêu sanh ra nhãm xúc;

⁸². S. 14. 7. Saññā.

⁸³. Giác, đây chỉ cho giác tưởng phân biệt, hay vọng tưởng phân biệt (Pāli: saṅkappa). Bản Pāli: duyên đa dạng tưởng (saññānānattam) sanh đa dạng tư duy (saṃkappanānattam); duyên đa dạng tư duy sanh đa dạng dục (chandanānattam).

⁸⁴. Pāli: duyên đa dạng dục (chandanānattam) sanh đa dạng nhiệt não (parilāhanānattam, nóng bức, bức tức khổ não); duyên nhiệt não sanh đa dạng mong cầu (priyesanānānattam).

duyên nhẫn xúc nên sanh ra nhẫn thọ; duyên nhẫn thọ nên sanh ra nhẫn tưởng; duyên nhẫn tưởng nên sanh ra nhẫn dục; do duyên nhẫn dục nên sanh ra nhẫn giác; duyên nhẫn giác nên sanh ra nhẫn nhiệt; duyên nhẫn nhiệt nên sanh ra nhẫn cầu. Cũng vậy, đối với nhĩ, tỳ, thiệt, thân, ý; do duyên ý giới nên sanh ra ý xúc; duyên ý xúc nên sanh ra ý thọ; duyên ý thọ nên sanh ra ý tưởng; duyên ý tưởng nên sanh ra ý giác; duyên ý giác nên sanh ra ý nhiệt; do duyên ý nhiệt nên sanh ra ý cầu. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là do duyên các chủng loại sai biệt giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt xúc... cho đến, duyên các thứ nhiệt sanh ra các thứ cầu.

“Nay Tỳ-kheo, không phải do duyên các thứ mong cầu nên sanh ra các thứ nhiệt. Không phải do duyên các nhiệt nên sanh ra các thứ giác. Không phải do duyên các thứ giác nên sanh ra các thứ tưởng. Không phải vì duyên các thứ tưởng nên sanh ra các thứ thọ. Không phải do duyên các thứ thọ nên sanh ra các thứ xúc. Cũng không phải vì duyên các thứ xúc nên sanh ra các thứ giới, mà chỉ có duyên các chủng loại sai biệt giới sanh các chủng loại sai biệt xúc;... cho đến, duyên các thứ nhiệt sanh ra các thứ mong cầu.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 455. TƯỞNG (2)⁸⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Do duyên các chủng loại sai biệt giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt xúc; duyên các chủng loại sai biệt xúc nên sanh ra các chủng loại sai biệt tưởng; duyên các chủng loại sai biệt tưởng nên sanh ra các chủng loại sai biệt dục; duyên các chủng loại sai biệt dục nên sanh ra các chủng loại sai biệt giác; duyên các chủng loại sai biệt giác nên sanh các chủng loại sai biệt nhiệt; duyên các chủng loại sai biệt nhiệt nên sanh ra các chủng loại sai biệt mong cầu.

⁸⁵. Nội dung gần với kinh trên.

“Thế nào là các chủng loại sai biệt giới? Mười tám giới, từ nhãm giới cho đến pháp giới.

“Thế nào là do duyên các chủng loại sai biệt giới nên sanh ra các chủng loại sai biệt xúc,... cho đến; thế nào là duyên các chủng loại sai biệt nhiệt nên sanh ra các chủng loại sai biệt mong cầu? Do duyên nhãm giới nên sanh ra nhãm xúc. Không phải vì duyên nhãm xúc nên sanh ra nhãm giới, mà chỉ vì duyên nhãm giới nên sanh ra nhãm xúc⁸⁶. Duyên nhãm xúc nên sanh ra nhãm tưởng. Không phải vì duyên nhãm tưởng nên sanh ra nhãm xúc, mà chỉ vì duyên nhãm xúc nên sanh ra nhãm tưởng. Duyên nhãm tưởng sanh ra nhãm dục. Không phải vì duyên nhãm dục nên sanh ra nhãm tưởng, mà chỉ vì duyên nhãm tưởng nên sanh ra nhãm dục. Duyên nhãm dục sanh ra nhãm giác. Không phải vì duyên nhãm giác nên sanh ra nhãm dục, mà chỉ vì duyên nhãm dục nên sanh ra nhãm giác. Duyên nhãm giác sanh ra nhãm nhiệt. Không phải vì duyên nhãm nhiệt nên sanh ra nhãm giác, mà chỉ vì duyên nhãm giác nên sanh ra nhãm nhiệt. Duyên nhãm nhiệt sanh ra nhãm cầu. Không phải vì duyên nhãm cầu nên sanh ra nhiệt, mà chỉ vì duyên nhãm nhiệt nên sanh ra nhãm cầu.

“Cũng vậy, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, vì duyên ý giới nên sanh ra ý xúc... cho đến duyên ý nhiệt nên sanh ra ý cầu, cũng nói đầy đủ như vậy.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là duyên các chủng loại sai biệt giới sanh các chủng loại sai biệt xúc... cho đến vì duyên các nhiệt nên sanh ra các thứ mong cầu, chứ không phải duyên các thứ mong cầu nên sanh ra các nhiệt,... cho đến không phải duyên các xúc nên sanh ra các giới, mà chỉ vì duyên các giới nên sanh ra các thứ xúc,... cho đến, duyên các nhiệt nên sanh ra các thứ mong cầu.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Giống như nội lục nhập xứ, ngoại lục nhập xứ cũng nói như vậy.⁸⁷



⁸⁶. Trong bản, trên chữ *duyên* có chữ *phi*. Đây lược bỏ.

⁸⁷. Tóm tắt có bốn kinh.

TẠP A-HÀM QUYỂN 17

KINH 456. CHÁNH THỌ¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có quang giới, tịnh giới, vô lượng không nhập xứ giới, vô lượng thức nhập xứ giới, vô sở hữu nhập xứ giới, phi tưởng phi tưởng nhập xứ giới, hữu diệt giới². ”

Khi ấy có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, cúi đầu lạy dưới chân Phật, chắp tay, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có quang giới, tịnh giới, vô lượng không nhập xứ giới, vô lượng thức nhập xứ giới, vô sở hữu nhập xứ giới, phi tưởng phi tưởng nhập xứ giới, diệt giới. Các thứ giới như vậy do nhân duyên gì để có thể biết?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Quang giới kia do duyên tối tăm mà được biết. Tịnh giới do duyên bất tịnh nên biết. Vô lượng không nhập xứ giới do duyên sắc mà biết. Vô lượng thức nhập xứ giới do không³ mà được biết. Vô sở hữu

¹. Đại Chánh quyển 17. “Tập nhân tụng, phẩm iii, phần v” (tiêu mục trong nguyên bản Đại Chánh). Ấn Thuận: “5 Tương ưng Giới” tiếp theo, trì kinh 444 (Đại Chánh quyển 16). Pāli, S. 14. 11. Sattimā.

². Quang giới 光界, tịnh giới 淨界, vô lượng không nhập xứ giới 無量空入處界, vô lượng thức nhập xứ giới 無量識入處界, vô sở hữu nhập xứ giới 無所有入處界, phi tưởng phi tưởng nhập xứ giới 非想非非想入處界, hữu diệt giới 有滅界. Pāli: sattimā, bhikkhave, dhātuyo, katamā sattā? ābhādhātu, subhadhātu, ākāsānañcāyatanañdhātu, viññānañcāyatanañdhātu, ākiñcaññāyatanañdhātu, nevasaññānāsaññāyatanañdhātu, saññāvedayitanirodhadhātu, có bảy giới loại (ở đây: giới hệ hay cõi): giới loại ánh sáng, giới loại tịnh khiết, giới loại cảnh vực hư không vô biên, cảnh vực thức vô biên, cảnh vực vô sở hữu, cảnh vực phi tưởng phi phi tưởng, cõi của sự diệt tận tưởng và thọ.

³. Trong nguyên bản: duyên nội 緣內. Bản đời Nguyên: duyên nội không 緣內空. Ấn Thuận đề nghị sửa lại là (hư) không. Pāli: ākāsānañcāyatanañpaṭicca, duyên hư không vô biên.

nhập xứ giới do duyên sở hữu⁴ mà được biết. Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ giới do duyên hữu đệ nhất⁵ mà được biết. Diệt giới là do duyên hữu thân⁶ mà được biết”.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, từ quang giới cho đến diệt giới này do vào chánh thọ⁷ gì mà đạt được?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Quang giới, tịnh giới, vô lượng không nhập xứ giới, vô lượng thức nhập xứ giới, vô sở hữu nhập xứ giới; các cõi này ngay nơi chánh thọ đang tự hành mà đạt được⁸. Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ giới ở nơi chánh thọ của đệ nhất hữu⁹ mà đạt được và diệt giới do chánh thọ của diệt hữu thân¹⁰ mà đạt được.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 457. THUYẾT¹¹

Tôi nhge như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại giảng đường Lộc mẫu, Đông viên, nước Xá-vệ. Bấy giờ vào buổi chiều, Đức Thế Tôn sau khi từ thiền tịnh tĩnh giác, đến trong bóng mát giảng đường, trải tòa, ngồi trước đại chúng, nói những câu kệ Ưu-đàn-na, rồi bảo các Tỳ-kheo:

4. Pāli: viññāṇañcāyatanaṃ paṭicca, duyên thức vô biên xứ.

5. Hữu đệ nhất, hay hữu đảnh, chóp đỉnh của hữu, cao nhất trong các cõi Hữu (Pāli: bhavagga). Bản Pāli: ākiñcaññāyatanaṃ paṭicca, duyên vô sở hữu xứ.

6. Hữu thân 有 身 ; Pāli: sakkāya. Bản Pāli: nirodham paṭicca, duyên diệt.

7. Chánh thọ, hoặc đẳng chí, trạng thái tập trung, hợp nhất tư tưởng, có chín bậc định như vậy: bốn sắc giới thiền, bốn vô sắc định và diệt tận định. Pāli: samāpatti.

8. Bản Pāli: saññāsamāpatti pāttabbā, y tưởng chánh thọ (đẳng chí) mà đạt được.

9. Bản Pāli: saṃkhārāvasesa-samāpatti pāttabbā, đạt được do chánh thọ của hành hữu dư (một ít hành uẩn còn tàn dư).

10. Hữu thân diệt 有 身 滅 , diệt tận các thân kiến (hai mươi hữu thân kiến, hay tát-ca-da tà kiến). Pāli: nirodhasamāpatti, do diệt chánh thọ.

11. Pāli, S. 14. 13. Giñjakāvasatha.

“Vì duyên giới mà sanh thuyết¹², chứ không phải không do giới. Duyên giới mà sanh kiến, không phải không do giới, Duyên giới mà sanh tưởng, không phải không do giới. Duyên giới hạ liệt¹³, Ta nói, sanh thuyết hạ liệt¹⁴, kiến hạ liệt, tưởng hạ liệt, tư hạ liệt¹⁵, dục hạ liệt¹⁶, nguyện hạ liệt, hạ sĩ phu hạ liệt¹⁷, sở tác hạ liệt, thi thiết hạ liệt, kiến lập hạ liệt, hạ bộ phận hạ liệt, hạ hiển thị hạ liệt, hạ thọ sanh hạ liệt.

“Trung giới¹⁸ cũng như vậy.

“Cũng vậy, đối với giới thù thắng¹⁹. Do duyên thắng giới, Ta nói kia sanh thuyết thù thắng, kiến thù thắng, tưởng thù thắng, nguyện thù thắng, sĩ phu thù thắng, sở tác thù thắng, thi thiết thù thắng, kiến lập thù thắng, bộ phận thù thắng, hiển thị thù thắng, thọ sanh thù thắng”.

Bấy giờ có Tỳ-kheo Bà-ca-li²⁰ đang đứng sau, cầm quạt hầu Phật, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu đối với Chánh đẳng Chánh giác, mà khởi lên kiến giải không phải Chánh đẳng Chánh giác, thì các kiến giải này cũng duyên theo giới mà sanh chăng?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Đối với Chánh đẳng Chánh giác mà khởi kiến giải không phải Chánh đẳng Chánh giác²¹, cũng duyên theo giới mà sanh ra, không phải không duyên giới. Vì sao? Giới của phàm phu là vô minh giới. Như trước Ta đã nói, duyên hạ giới sanh hạ thuyết, hạ

¹². Pāli: dhātum paṭicca saññā uppajjati, duyên giới sanh tưởng.

¹³. Trong nguyên bản chép nhầm là bất giới 不界. Đây sửa lại là hạ giới 下界.
Pāli: hīnam dhātum.

¹⁴. Pāli: hīnā vācā, ngôn ngữ thấp kém, hạ đẳng.

¹⁵. Pāli: hīnā cetanā, tư niệm hay ý chí thấp kém.

¹⁶. Pāli: hīnā patthanā, dục cầu hay hy vọng thấp kém.

¹⁷. Pāli: hī no puggalo, con người hay nhân cách thấp kém.

¹⁸. Như thị trung 如是中. Pāli: majjhimam dhātum paṭicca.

¹⁹. Pāli: paṇītā dhātu, giới vi diệu, thượng đẳng.

²⁰. Bà-ca-li 婆迦利. Có lẽ Pāli: Vakkali. Nhưng, bản Pāli: Kaccāna.

²¹. Pāli: asammāsabuddhesu sammāsambuddhā' ti, ở nơi những vị không phải là Chánh đẳng Chánh giác mà thấy là Chánh đẳng Chánh giác.

kiến,... cho đến, hạ thọ sanh. Duyên trung giới cũng như vậy, đối với thắng giới, cũng sanh thắng thuyết, thắng kiến, cho đến, thắng thọ sanh.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 458. NHÂN²²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có nhân sanh ra dục tưởng, chứ không phải không có nhân; có nhân sanh ra nhuế tưởng, hại tưởng²³, chứ không phải không có nhân.

“Do nhân gì sanh dục tưởng? Do duyên dục giới. Duyên dục giới nên sanh ra dục tưởng, dục dục, dục giác, dục nhiệt, dục cầu²⁴. Kẻ phàm phu ngu si khi đã khởi lên dục cầu rồi, chúng sanh này khởi lên tà vạy qua ba nơi là thân, miệng, tâm. Do nhân duyên tà vạy như vậy nên hiện tại sống trong khổ não; có khổ, có khốn quẫn, có thất vọng²⁵, có nóng bức; sau khi chết rồi sanh vào trong đường ác. Đó gọi là nhân duyên sanh dục tưởng.

“Thế nào là nhân duyên sanh ra nhuế tưởng, hại tưởng? Đó là hại giới. Do duyên hại giới nên sanh hại tưởng, hại dục, hại giác, hại nhiệt, hại cầu. Kẻ phàm phu ngu si khi đã khởi lên sự mong muốn làm hại, chúng sanh này khởi lên tà vạy qua ba nơi là thân, miệng, tâm. Do

²². Pāli, S. 14. 12. Sanidāna (có nguyên do). Tham chiếu, A. 6. 39. Nidāna.

²³. Dục tưởng, nhuế tưởng, hại tưởng; ba bất thiện tưởng, cũng là ba bất thiện tâm, ba tư duy tâm cầu bất thiện. Pāli: tayo akusala-vitakkā: kāma-vitakko, vyāpāda-vitakko, vihiṃsā-vitakko. Ba bất thiện tâm này cũng là ba bất thiện giới. Pāli: tissa akusala-dhātuyo. Xem Trường A-hàm, №1(7); D. 33. Saṅgīti.

²⁴. Pāli: kāma-dhātu, kāma-saññā, kāma-saṃkappo, kāma-chando, kāma-pariñāho, kāma-pariyesanā; dục giới, dục tưởng, dục tư duy, dục dục, dục nhiệt não, dục tâm cầu.

²⁵. Hán: hữu ngại, hữu não 有礙有惱 . Pāli: sa-vighātaṃ, sa-upayāsaṃ.

nhân duyên tà vạy như vậy nên hiện tại sống trong khổ não; có khổ, có khốn quẫn, có thất vọng, có nóng bức; sau khi chết rồi sanh vào trong đường ác.

“Này các Tỳ-kheo, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào đang an trú nơi sanh như vậy mà sanh tưởng nguy hiểm²⁶, không tìm cách loại bỏ, không tỉnh giác²⁷, không nhả ra, thì hiện tại người ấy ngay trong đời hiện tại an trú khổ; có khổ, có khốn quẫn, có thất vọng, có nóng bức; sau khi chết rồi sanh vào trong đường ác.

“Ví như cách thành ấp, làng xóm không xa, có cánh đồng hoang, chợt bốc lửa lớn. Nếu không có ai có sức mạnh để dập tắt lửa, nên biết, những chúng sanh ở trong đồng hoang đó chắc chắn sẽ bị lửa hại. Cũng vậy, Sa-môn, Bà-la-môn đang an trú nơi sanh mà sanh tưởng nguy hiểm, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào đường ác.

“Này các Tỳ-kheo, có nhân sanh tưởng xuất yếu²⁸, chứ không phải không có nhân.

“Thế nào là nhân sanh tưởng xuất yếu? Đó là xuất yếu giới²⁹. Do duyên xuất yếu giới sanh xuất yếu tưởng, xuất yếu dục, xuất yếu giác, xuất yếu nhiệt, xuất yếu cầu. Nghĩa là người có trí kia khi tìm cầu sự xuất yếu, chúng sanh này³⁰ phát sanh chánh hành qua ba chỗ là thân, miệng, tâm. Kia sau khi do nhân duyên sanh chánh hành như vậy, ngay hiện tại sống an lạc; không khổ, không khốn quẫn, không thất vọng, không nóng bức; sau khi chết sanh vào cõi lành. Đó gọi là nhân duyên sanh tưởng xuất yếu.

²⁶. Nguy hiểm tưởng 危險想 · Tham chiếu Pāli: upannam visamagataṁ saññam na khippameva pajahati, không nhanh chóng loại bỏ ý tưởng bất chánh đang sanh khởi. Pāli: visamagata, bất chánh, Hán đọc là visaṅgata, (bị chi phối bởi) độc hại.

²⁷. Hán: bất giác 不覺; có lẽ là na vinodeti, không bài trừ, nhưng bản Hán đọc là na vedeti: không cảm giác.

²⁸. Xuất yếu tưởng 出要想; ý tưởng thoát ly (xuất ly, xuất gia). Pāli: nekkhamavitakka (tư duy tâm cầu sự thoát ly).

²⁹. Xem Trung A-hàm, N^o1(7): ba thiện giới: xuất ly giới, vô nhuế giới, vô hại giới; D. 33. Saṅgīti: tisso kusala-dhātuyo: nekkhamā-dhātu, avyāpāda-dhātu, avihimsā-dhātu.

³⁰. Pāli: đa văn Thánh đệ tử (sutavā ariyasāvako).

“Thế nào là nhân duyên sanh tưởng không nhuế, không hại³¹? Đó là bất nhuế, bất hại giới. Do nhân duyên bất hại giới sanh bất hại tưởng bất hại dục, bất hại giác, bất hại nhiệt, bất hại cầu không hại. Nghĩa là người có trí kia khi tìm cầu sự bất hại, chúng sanh phát sanh chánh hành qua ba chỗ là thân, miệng, tâm. Kia sau khi do nhân duyên sanh chánh hành như vậy, ngay hiện tại sống an lạc; không khổ, không khốn quẫn, không thất vọng, không nóng bức; sau khi chết sanh vào cõi lành. Đó gọi là nhân duyên sanh tưởng bất hại.

“Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn an trú nơi sanh mà sanh tưởng bất hại, không lìa bỏ, không loại bỏ³², không nhả ra, ngay hiện tại sống lạc; không khổ, không khốn quẫn, không thất vọng, không nóng bức; sau khi chết sanh vào cõi lành.

“Ví như ven thành ấp, làng xóm, có cánh đồng hoang chợt bốc lửa lớn. Có người có khả năng dùng tay, chân để dập tắt lửa. Nên biết, các chúng sanh sống nương cây cỏ đều không bị hại. Cũng vậy, Sa-môn, Bà-la-môn an trú nơi sanh mà sanh tưởng bất hại, không lìa bỏ, không loại bỏ, không nhả ra, ngay hiện tại sống lạc; không khổ, không khốn quẫn, không thất vọng, không nóng bức; sau khi chết sanh vào cõi lành.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 359. TỰ TÁC³³

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn đến chỗ Phật, sau khi cùng Thế Tôn thăm hỏi, rồi đứng sang một bên, bạch Phật:

“Chúng sanh không phải tự mình làm, không phải cái khác làm.”

Phật bảo Bà-la-môn:

³¹. Bất nhuế, bất hại tưởng 不 惲 不 害 想; Pāli: avyāpāda-vitakka, avihimsā-vitakka. Xem cht.28 trên.

³². Nguyên Hán: bất giác. Xem cht.27 trên.

³³. Pāli, A. 6. 38. Attakāri.

“Với luận thuyết như vậy thì Ta và Ông không gặp nhau. Ông nay tự mình đi đến đây mà lại nói không tự mình làm, không phải cái khác làm.”

Bà-la-môn bạch:

“Thế nào, bạch Cù-đàm, chúng sanh là tự mình làm hay cái khác làm?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Bây giờ Ta hỏi Ông, tùy ý mà trả lời Ta. Nay Bà-la-môn, ý Ông nghĩ sao, có phương tiện giới³⁴ của chúng sanh, nhờ đó các chúng sanh biết tạo ra phương tiện chăng?”

Bà-la-môn bạch:

“Bạch Cù-đàm, có phương tiện giới của chúng sanh đó, khiến cho các chúng sanh biết tạo ra phương tiện.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Nếu có phương tiện giới nhờ đó mà các chúng sanh biết có phương tiện, thì đó là chúng sanh tự mình làm hay là cái khác làm³⁵? ”

“Này Bà-la-môn, ý Ông nghĩ sao, có an trú giới, kiên cố giới, xuất giới, tạo tác giới³⁶ của chúng sanh, nhờ đó mà chúng sanh biết là có tạo tác chăng?”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Có an trú giới, kiên cố giới, xuất giới, tạo tác giới của chúng sanh, nhờ đó mà chúng sanh biết là có tạo tác.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Nếu có an trú giới, kiên cố giới, xuất giới, tạo tác giới của

³⁴. Phương tiện giới 方便界: ở đây, phương tiện đồng nghĩa gia hành (Pāli: payoga), chỉ sự chuẩn bị phát khởi hành động. Bản Pāli: ārabba-dhātu, phát khởi giới (xuất phát hành động).

³⁵. Pāli: yaṁ kho, brāhmaṇa, ārabhadhātuyā sati ārabbhavanto sattā paññāyanti, ayam sattānam attakāro ayam parakāro, cái gì mà trong khi khởi sự làm chúng sanh biết đang khởi sự làm, cái đó là việc tự mình làm, cái đó là việc người khác làm, của chúng sanh.

³⁶. An trú giới, kiên cố giới, xuất giới, tạo tác giới. Pāli: nikamadhātu (xuất hành giới), thāmadhātu (thể lực giới), tħitidhātu (an trú giới), upakkamadhātu (công kích giới).

chúng sanh, nhờ đó mà chúng sanh biết là có tạo tác, thì đó là chúng tự mình làm hay là cái khác làm?"

Bà-la-môn bạch:

"Chúng sanh có việc tự mình làm, có việc người khác làm. Bạch Cù-dàm, vì ở đời có nhiều công việc, bây giờ xin phép được cáo từ."

Phật bảo Bà-la-môn:

"Ở đời có nhiều công việc, ông nên đúng thời."

Sau khi nghe lời Phật dạy, Bà-la-môn hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 460. CÙ-SƯ-LA³⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diệm-di³⁸. Bấy giờ gia chủ Cù-sư-la³⁹ đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đánh lẽ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi lui ngồi qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

"Nói là nhiều chủng loại giới⁴⁰. Vậy thế nào là nhiều chủng loại giới?"

Tôn giả A-nan bảo gia chủ Cù-sư-la:

"Nhân giới khác, sắc giới khác thuộc về hỷ xứ⁴¹. Hai nhân duyên sanh thức. Ba sự hòa hợp sanh xúc. Do nhân duyên hỷ xúc sanh lạc thọ. Cũng vậy, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý pháp cũng nói như vậy.

"Lại nữa, này gia chủ, có nhân giới khác, sắc giới khác thuộc về ưu xứ. Hai nhân duyên sanh thức. Ba sự hòa hợp sanh khổ xúc. Do nhân duyên khổ sanh khổ thọ. Cũng vậy, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý pháp cũng nói như vậy.

"Lại nữa này gia chủ, nhân giới khác, sắc giới khác thuộc về xả xứ. Hai nhân duyên sanh thức. Ba sự hòa hợp sanh xúc, không khổ,

³⁷. S. 35. 129. Ghosita.

³⁸. Câu-diệm-di Cù-sư-la viên 拘 眇 彌 師 羅 園, một tinh xá do Cù-sư-la (Pāli: Ghosita) dựng ở Câu-diệm-di (Kosambi).

³⁹. Cù-sư-la trưởng giả 罪 師 羅 長 者. Pāli: Ghosīta-gahapati.

⁴⁰. Chủng chủng giới 種 種 界. Pāli: dhātunānattam, sự đa dạng của giới.

⁴¹. Pāli: samvajjati... cakkhudhātu rūpā ca manāpā, có nhân giới và sắc khả ái.

không lạc. Do nhân duyên xúc không khổ, không lạc sanh thọ, không khổ, không lạc. Cũng vậy, nhĩ, tỳ, thiêt, thân, ý pháp cũng nói như vậy.”

Gia chủ Cù-sư-la sau khi nghe lời dạy của Tôn giả A-nan hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lẽ rồi lui ra.

**
*

KINH 461. TAM GIỚI (1)⁴²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diệm-di⁴³. Bấy giờ gia chủ Cù-sư-la đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đánh lẽ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi lui ngồi qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

“Nói là nhiều chủng loại giới. Vậy thế nào là nhiều chủng loại giới?”

Tôn giả A-nan bảo gia chủ Cù-sư-la:

“Có ba giới. Những gì là ba? Đó là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.”

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói bài kệ:

*Hiểu rõ về Dục giới,
Sắc giới cũng như vậy.
Bỏ tất cả hữu dư,
Được tịch diệt vô dư.
Nơi thân hòa hợp giới⁴⁴,
Đoạn tuyệt, chứng vô dư.
Đáng Chánh Giác⁴⁵ đã chỉ,
Dấu vô ưu, ly cấu⁴⁶.*

⁴². Tham chiếu It. 51.

⁴³. Xem cht.38, kinh 460.

⁴⁴. Pāli (Cf. It. 51): kāyena amatām dhatum phusayitvā nirūpadhim, bằng tự thân, chứng nghiệm bất tử giới (cam lộ giới), chứng vô dư y.

⁴⁵. Nguyên Hán: Tam-da-tam-phật 三耶 三佛.

⁴⁶. Hán: vô ưu ly cấu cú 無憂離垢句. Pāli (Cf. It.51): deseti sammāsambuddho asokam virajam padan ti, Đáng Chánh Giác chỉ rõ dấu chân không ưu phiền, không cấu nhiễm.

Tôn giả A-nan nói kinh này xong, gia chủ Cù-sư-la hoan hỷ, tùy hỷ, rồi lui ra.

**

KINH 462. TAM GIỚI (2)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diêm-di⁴⁷. Bấy giờ gia chủ Cù-sư-la đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đánh lẽ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi lui ngồi qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

“Nói là nhiều chủng loại giới. Vậy thế nào là nhiều chủng loại giới?”

Tôn giả A-nan bảo gia chủ Cù-sư-la:

“Có ba giới. Những gì là ba? Đó là Sắc giới, Vô sắc giới, Diệt giới⁴⁸.”

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói bài kệ:

*Nếu chúng sanh Sắc giới,
 Và trụ Vô sắc giới,
 Mà không biết Diệt giới,
 Thì lại thọ các hữu.
 Nếu đoạn được sắc giới,
 Không trụ vô sắc giới,
 Diệt giới, tâm giải thoát,
 Thì xa lìa sanh tử.*

Khi Tôn giả A-nan nói kinh này xong, thì gia chủ Cù-sư-la tùy hỷ, vui mừng làm lễ mà lui.

**

KINH 463. TAM GIỚI (3)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diêm-di. Bấy giờ gia chủ Cù-sư-la đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đánh lẽ dưới chân Tôn giả

⁴⁷. Xem cht.38, kinh 460.

⁴⁸. Cf. It. 51: tisso dhātuyo: rūpadhātu, ārūpadhātu, nirodhadhātu.

A-nan, rồi lui ngồi qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

“Nói là nhiều chủng loại giới. Vậy thế nào là nhiều chủng loại giới?”

Tôn giả A-nan bảo gia chủ Cù-sư-la:

“Có ba thứ giới xuất ly, đó là xuất ly từ Dục giới cho đến Sắc giới và xuất ly từ Sắc giới cho đến Vô sắc giới. Ở đây, tất cả các hành, tất cả những tư tưởng về giới đều dứt hết. Đó gọi là ba thứ giới cần xuất ly, rồi Tôn giả nói bài kệ:

*Biết xuất ly Dục giới,
 Vượt luôn khỏi Sắc giới,
 Tất cả hành tịch diệt,
 Siêng tu, chánh phương tiện.
 Đoạn trừ tất cả ái,
 Tất cả hành diệt tận.
 Biết tất cả hữu duy,
 Không xoay chuyển lại hữu.*

Khi Tôn giả A-nan nói kinh này xong, thì gia chủ Cù-sư-la tùy hỷ vui mừng làm lễ mà lui.

**
*

KINH 464. ĐỒNG PHÁP

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diêm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan đi đến chỗ vị Thượng tọa tên là Thượng Tọa⁴⁹. Khi đến nơi ấy, Tôn giả cung kính thăm hỏi, rồi ngồi lui qua một bên, bạch vị Thượng tọa tên là Thượng Tọa:

“Nếu có Tỳ-kheo ở nơi vắng vẻ, dưới bóng cây, hay ở trong phòng yên tĩnh tư duy, nên dùng pháp gì để chuyên tinh tư duy?”

Thượng tọa đáp:

“Này Tôn giả A-nan, nếu người nào ở chỗ vắng vẻ, dưới bóng cây hay trong phòng yên tĩnh, nên dùng hai pháp này để chuyên tinh

⁴⁹. Thượng tọa Thượng Tọa danh giả 上 座 上 座 名 者. Không rõ Pāli.

tư duy, đó là chỉ và quán⁵⁰.

Tôn giả A-nan lại hỏi Thượng tọa:

“Tu tập chỉ, sau khi tu tập nhiều, sẽ thành tựu được pháp gì? Tu tập quán, sau khi tu tập nhiều, sẽ thành tựu được pháp gì?”

Thượng tọa trả lời Tôn giả A-nan:

“Tu tập chỉ, cuối cùng thành tựu được quán. Tu tập quán, cũng thành tựu được chỉ. Nghĩa là Thánh đệ tử tu tập gồm cả chỉ và quán, chứng đắc các giải thoát giới.”

Tôn giả A-nan lại hỏi:

“Bạch Thượng tọa, thế nào là các giải thoát giới?”

Thượng tọa đáp:

“Này Tôn giả A-nan, đoạn giới, vô dục giới, diệt giới, đó gọi là các giải thoát giới.”

Tôn giả A-nan lại hỏi Thượng tọa:

“Thế nào là đoạn giới cho đến diệt giới?”

Thượng tọa đáp:

“Này Tôn giả A-nan, đoạn tất cả hành, đó gọi là đoạn giới. Đoạn trừ ái dục, đó là vô dục giới. Tất cả hành diệt, gọi là diệt giới.”

Tôn giả A-nan, sau khi nghe Thượng tọa nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, rồi đi thẳng đến chỗ năm trăm Tỳ-kheo, cung kính hỏi thăm, rồi ngồi lui qua một bên, bạch với năm trăm vị Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào trong lúc ở chỗ vắng vẻ, dưới bóng cây hay trong phòng yên tĩnh tư duy, nên dùng pháp gì để chuyên tinh tư duy?”

Bấy giờ năm trăm Tỳ-kheo trả lời Tôn giả A-nan:

“Nên dùng hai pháp chuyên tinh mà tư duy.” Chi tiết, cho đến, “diệt giới,” như vị Thượng tọa đã nói trên kia.

Khi Tôn giả A-nan nghe năm trăm vị Tỳ-kheo nói như vậy, hoan hỷ tùy hỷ, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo ở chỗ vắng vẻ, dưới bóng cây hay trong phòng yên tĩnh mà tư duy, nên dùng phương pháp gì để chuyên tinh tư duy?”

Phật bảo A-nan:

⁵⁰. Chỉ và quán. Pāli: samatha, vipassanā (xa-ma-tha, tỳ-bát-xa-na).

“Nếu Tỳ-kheo nào ở nơi vắng vẻ, dưới bóng cây hay trong phòng yên tĩnh mà tư duy, nên dùng hai pháp để chuyên tinh tư duy.” Chi tiết, cho đến, “diệt giới,” như năm trăm Tỳ-kheo đã nói.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

“Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn, Bậc Đạo Sư và các đệ tử, tất cả đều đồng một pháp, đồng văn cú, đồng một nghĩa, đồng một vị. Hôm nay con đến Thượng tọa có tên là Thượng Tọa hỏi nghĩa này, Tôn giả ấy cũng đem nghĩa này, văn cú này, vị này giải đáp cho con, như những gì Thế Tôn đã nói hiện tại. Con lại đến chỗ năm trăm Tỳ-kheo cũng đem nghĩa này, văn cú này, vị này hỏi năm trăm Tỳ-kheo, họ cũng đem nghĩa này, câu này, vị này mà đáp như những gì Thế Tôn đã nói hiện tại. Cho nên biết rằng, Thầy và đệ tử, tất cả đều đồng một pháp, đồng văn cú, đồng một nghĩa, đồng một vị.”

Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Ngươi có biết vị Thượng tọa này là Tỳ-kheo như thế nào không?”

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con không biết.”

Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Thượng tọa này là A-la-hán, các lậu đã giữ sạch, đã vứt bỏ gánh nặng, đạt được chánh trí, tâm khéo giải thoát. Năm trăm vị Tỳ-kheo kia cũng đều như vậy.”

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 465. TRƯỚC SỬ⁵¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lě dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, biết cái gì, thấy cái gì, để ở nơi thức thân này

^{51.} S. 18. 21. Anusaya; tham chiếu S. 22. 91. Rāhulo.

của con và tất cả những tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn⁵²?"

Phật bảo La-hầu-la:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

"Nếu Tỳ-kheo nào đối với những gì thuộc địa giới, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc đẹp, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gần, mà biết như thật, thì tất cả những thứ đó đều không phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Đối với thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới, lại cũng như vậy.

"Này La-hầu-la, Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy đối với thức thân này của chính mình và tất cả những tướng thuộc cảnh giới bên ngoài, thì không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn.

"Này La-hầu-la, nếu Tỳ-kheo nào đối với thức thân này và tất cả những tướng của cảnh giới ở bên ngoài mà không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn, thì đó gọi là dứt sự ràng buộc của ái, dứt các kết sử, đoạn trừ ái, dừng kiêu mạn, đắc hiện quán, đến tận cùng của mé khổ."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 466. XÚC NHÂN⁵³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, biết cái gì, thấy cái gì, để ở nơi thức thân này

⁵². Ngã, ngã sở kiến, ngã mạn hệ trước sử. Pāli: ahamkāramamamkāramāmānusayā, các tùy miên ngã, ngã sở và mạn.

⁵³. Ấm Thuận, tụng 3. Tạp nhân, 6. Tương ứng Thọ, gồm các kinh, Đại Chánh 466-489. phần lớn, tương đương Pāli: S.36. Vedanāsaṃyutta. Đại Chánh kinh 466, Pāli, S.36.10 Phassa-mūlaka.

của con và tất cả những tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn⁵⁴?”

Phật bảo La-hầu-la:

“Có ba thứ thọ, đó là khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Ba thọ này do nhân gì, tập gì, sanh gì, chuyển gì? Tức là, ba thọ này, xúc là nhân, là tập, là sanh, là chuyển. Do xúc nhân như thế này, thế kia sanh các thọ như thế này, thế kia. Nếu xúc thế này thế kia diệt, thọ thế này thế kia cũng diệt, tĩnh chỉ, thanh lương, tịch tĩnh. Biết như vậy, thấy như vậy thì ở nơi thức thân này của con và tất cả những tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn.”

Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 467. KIẾM THÍCH⁵⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lě dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, biết cái gì, thấy cái gì, để ở nơi thức thân này của con và tất cả những tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn?”

Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Có ba thứ thọ, đó là khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Quán sát lạc thọ mà khởi tưởng là khổ; quán sát khổ thọ mà khởi tưởng là kiết đâm; quán sát không khổ không lạc thọ mà khởi tưởng là vô thường. Nếu Tỳ-kheo quán sát lạc thọ mà khởi tưởng là khổ, quán sát khổ thọ mà khởi tưởng là kiết đâm, quán sát không khổ không lạc thọ mà khởi tưởng là vô thường, hoại diệt, thì đó gọi là chánh kiến.”

⁵⁴. Xem cht.52 kinh 465.

⁵⁵. Gươm đâm. Pāli, S. 36. 5. Daṭṭhabba.

Sau đó Thế Tôn nói bài kệ:

*Quán vui, khởi tướng khổ,
Khổ thọ như kiếm đâm,
Đối với không khổ vui,
Tu tướng vô thường, diệt;
Đó gọi là Tỳ-kheo
Thành tựu được chánh kiến.
Đạo an vui tịch diệt,
Trụ nơi mé cuối cùng,
Vĩnh viễn lìa phiền não,
Dẹp tan chúng quân ma.*

Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 468. TAM THỌ⁵⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành vuông xa. Bấy giờ Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, biết cái gì, thấy cái gì, để ở nơi thức thân này của con và tất cả những tướng của cảnh giới bên ngoài mà không có kết sử ngã, ngã sở, ngã mạn?”

Phật bảo Tôn giả La-hầu-la:

“Có ba thứ thọ, đó là khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Khi quán sát lạc thọ, vì muốn dứt trừ tham sử⁵⁷ đối lạc thọ, nên ở nơi Ta mà tu phạm hạnh; vì muốn dứt trừ sân nhuế sử⁵⁸ đối với khổ thọ, nên ở nơi Ta mà tu phạm hạnh; vì muốn dứt trừ ngu si sử⁵⁹ đối với bất khổ bất lạc thọ, nên ở nơi Ta mà tu phạm hạnh.

⁵⁶. S. 36. 3. Pahānena.

⁵⁷. Tham sử, tức tham tùy miên. Pāli: rāgānusayo..

⁵⁸. Sân nhuế sử, hay sân tùy miên. Pāli: paṭighānusayo.

⁵⁹. Si sử, hay si tùy miên. Pāli: avijjānusayo, vô minh tùy miên.

“Này La hầu la, nếu Tỳ-kheo nào đối với kết sử tham nơi lạc thọ đã dứt trừ, đã biết; đối với kết sử sân nhuế nơi khổ thọ đã dứt trừ, đã biết; và đối với kết sử si nơi bất khổ bất lạc thọ đã dứt trừ, đã biết, thì đó gọi là Tỳ-kheo đã đoạn trừ ái dục, bứt các kết buộc, diệt kiêu mạn⁶⁰, đến tận cùng của mé khổ⁶¹. ”

Sau đó, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Khi cảm nhận lạc thọ,
Thì không biết lạc thọ
Bị tham sử sai khiến,
Không thấy đường xuất ly.
Lúc cảm nhận khổ thọ,
Thì không biết khổ thọ
Bị sân nhuế sai sứ,
Không thấy đường xuất ly.
Thọ không vui không khổ,
Đẳng Chánh Giác đã nói,
Nếu không khéo quán sát,
Quyết không qua bờ kia.
Tỳ-kheo cần tinh tấn,
Chánh trí không động chuyển⁶²,
Như tất cả thọ này,
Người trí thường hiểu biết.
Người hiểu biết các thọ,
Hiện tại hết các lậu,
Người trí sáng mạng chung,*

⁶⁰. mạn vô gián 慢 無 間 ; Pāli: mānābhisaṃaya, hiện quán mạn, hiểu rõ mạn, làm định chỉ, tiêu vong kiêu mạn.

⁶¹. Pāli: ayam vuccati, bhikkhave, bhikkhu niranusayo sammaddaso accheti taṇhaṃ vivatṭayi saṃyojanam̄ sammā mānābhisaṃaya antamakāsi dukkhassā' ti. Đây gọi là Tỳ-kheo đã dứt sạch tùy miên, hoàn toàn cắt đứt khát ái, trừ khử kết buộc, một cách chân chánh thấy rõ kiêu mạn (tiêu diệt kiêu mạn), chấm dứt khổ.

⁶². Pāli: saṃpajaññam̄ na riñcati, không bỏ chánh trí. Pāli: riñcati, rời, chối bỏ, phủ nhận; bản Hán đọc là iñjati: dao động.

*Không rơi vào các số⁶³,
Các số đã dứt tuyệt,
Thường nhập Niết-bàn lạc.*

Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 469. THÂM HIỂM⁶⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, nơi thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Biển lớn sâu hiểm⁶⁵. Đó là cái sâu hiểm mà người ngu ở thế gian này thường nói, không phải là sâu hiểm được nói trong pháp luật của Hiền thánh⁶⁶. Những gì mà thế gian nói về sự sâu hiểm thì đó chỉ là sự tích tụ số lượng nước nhiều mà thôi. Nếu các thọ phát sanh từ thân, các khổ bức bách, hoặc bị khốn quẫn, hoặc chết, thì đó mới gọi là nơi sâu hiểm vô cùng của biển lớn.

“Phàm phu ngu si không học, ở nơi các thọ phát sanh từ thân, các khổ bức bách, hoặc bị khốn quẫn, hoặc chết, sầu bi, thán oán, khóc lóc, kêu la, tâm loạn phát cuồng, mà trường kỳ chìm đắm, không chỗ dừng nghỉ.

“Đa văn Thánh đệ tử, ở nơi các thọ phát sanh từ thân, các khổ bức bách, hoặc bị khốn quẫn, hoặc chết, sầu bi, thán oán, khóc lóc, kêu la, tâm loạn phát cuồng, mà không chìm đắm sanh tử, được chỗ dừng nghỉ.”

Sau đó, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

⁶³. Hán: bất dọa ư chúng số 不墮於衆數. Pāli: kāyassa bhedā dhamatīho saṃkhyam̄ nōpeti vedagū ti, không thể mô tả bậc Pháp trí, vị Hiền trí, khi thân hoại (định danh).

⁶⁴. Sâu thẳm, hiểm trở, chỉ vực thẳm. S. 36. 4. Pātāla.

⁶⁵. Hán: đại hải thâm hiểm 大海深嶮. Pāli: atthi mahāsamudde pātālo'ti, trong biển cả có vực thẳm.

⁶⁶. Pāli: (...) asatam̄ avijjamānam̄ evam̄ vācam̄ bhssāti (trong biển có vực thẳm), nói về cái không hiện hữu, không tồn tại.

*Thân sanh các khổ thọ,
Bức bách cho đến chết,
Sâu bi không chịu nổi,
Than khóc, phát cuồng loạn.
Tâm tự sanh khốn quẫn,
Chiêu tập các khổ tăng,
Mãi chìm biển sanh tử,
Nào biết chỗ dừng nghỉ.
Xả các thọ nơi thân,
Khổ não sanh từ thân,
Bức bách cho đến chết,
Không khởi tưởng buồn lo,
Không than khóc kêu gào,
Thường nhẫn thọ các khổ,
Tâm không sanh chướng ngại,
Chiêu tập các khổ tăng,
Không chìm đắm sanh tử,
Quyết được nơi an ổn.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 470. TIẾN⁶⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Phàm phu ngu si không học sanh khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Đa văn Thánh đệ tử cũng sanh khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Này các Tỳ-kheo, như vậy giữa phàm phu và Thánh nhân có gì sai khác?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, là sở y của

⁶⁷. Mũi tên. Pāli, S. 36. 6. Sallattena.

pháp. Lành thay, Thế Tôn! Cúi xin nói đầy đủ, các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ thực hành."

Phật bảo các Tỳ-kheo tiếp:

"Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Này các Tỳ-kheo, phàm phu ngu si không học, vì thân xúc chạm sanh các thọ, tăng thêm các khổ đau, cho đến bị cướp mất mạng sống, sầu bi, thán oán, khóc lóc, kêu gào, tâm sanh cuồng loạn. Ngay lúc đó hai thọ tăng trưởng, là thân thọ và tâm thọ. Như có người thân bị trúng hai mũi tên độc, vô cùng đau đớn. Phàm phu ngu si không học lại cũng như vậy. Hai thọ tăng trưởng: thân thọ, tâm thọ vô cùng đau đớn, khổ sở. Vì sao? Vì phàm phu ngu si không học này vì không biết rõ, nên ở nơi ngũ dục mà phát sanh cảm xúc lạc thọ, lãnh thọ năm thứ dục lạc. Do lãnh thọ năm thứ dục lạc nên bị tham sử sai khiến⁶⁸. Vì xúc chạm cảm thọ khổ nên sanh sân nhuế. Vì nổi sân nhuế nên bị nhuế sử sai khiến⁶⁹. Nếu đối với sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, tai hại và xuất ly của hai thọ này mà không biết như thật; vì không biết như thật nên sanh cảm thọ không khổ không lạc, bị si sử sai khiến. Nó bị lạc thọ trói buộc, mãi không thể lìa⁷⁰; bị khổ thọ trói buộc, trọn không thể lìa; bị cảm thọ không khổ không lạc trói buộc, cuối cùng không thể lìa.

"Cái gì trói buộc? Bị tham, nhuế, si trói buộc; bị sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não trói buộc."

"Đa văn Thánh đệ tử, thân xúc sanh khổ thọ, khổ lớn bức bách... cho đến cướp mất mạng, mà không khởi lo buồn, thán oán, khóc lóc, kêu gào, loạn tâm phát cuồng. Ngay lúc đó chỉ sanh một thứ thọ, đó là thân thọ, chứ không sanh tâm thọ. Như người bị một mũi tên độc, không bị mũi tên độc thứ hai, ngay khi đó chỉ sanh có một cảm thọ, đó là thân thọ mà không sanh tâm thọ. Khi xúc chạm lạc thọ, không

⁶⁸. Vì tham sử sở sử. Pāli: yo sukhāya vedanāya rāgānusayo so anuseti, tiêm phục tham tùy miên đối với cảm thọ lạc.

⁶⁹. Pāli: yo dukkhāya vedanāya paṭighānusayo sò anuseti, đối với cảm thọ khổ, sân tùy miên tiêm phục.

⁷⁰. Pāli: so sukhañce vedanam vedayati, saññutto nam vedayati; nếu nó cảm giác lạc, nó cảm giác bị cái đó trói buộc.

nhiễm dục lạc. Vì không nhiễm dục lạc nên đối với lạc thọ này, tham sú không sai khiến. Khi xúc chạm khổ thọ không sanh sân nhuế. Vì không sanh sân nhuế, nên nhuế sú không thể sai khiến. Nếu đối với sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, tai hại, sự xuất ly của hai sú này mà biết như thật; vì biết như thật cảm thọ không khổ không lạc, nên si sú không thể sai khiến được. Đối với lạc thọ được giải thoát, không bị trói buộc; khổ thọ, không khổ không lạc thọ cũng được giải thoát, không bị trói buộc.

“Không bị cái gì trói buộc? Tham, nhuế, si không trói buộc; sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, nãο không trói buộc.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Đa văn đối khổ vui,
Không phải không cảm giác.
So với kẻ không học,
Người này thật xa khác⁷¹.
Thọ lạc, không buông lung,
Gặp khổ không tăng sâu;
Khổ vui thấy đều bỏ,
Không thuận cũng không trái.
Tỳ-kheo siêng phuơng tiện,
Chánh trí không khuynh động⁷²,
Đối với các thọ này,
Trí tuệ thường biết rõ.
Vì biết rõ các thọ,
Hiện tại sạch các lậu,
Khi chết không đọa lạc⁷³,
An trú Đại Niết-bàn.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

⁷¹. Trong nguyên bản: đại văn 大聞; sửa lại là đại gian 大間: cách biệt rất lớn.

⁷². Xem cht.62, kinh 468.

⁷³. Hán: bất đọa số, xem cht.63 kinh 468.

KINH 471. HƯ KHÔNG⁷⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Như giữa hư không, gió lộng từ bốn phương thổi đến như gió có bụi bặm, gió không bụi bặm, gió tỳ-thấp-ba⁷⁵, gió tỳ-lam-bà⁷⁶, gió mỏng, gió dày, cho đến phong luân gió dậy. Gió cảm thọ trong thân cũng như vậy. Đủ các thứ thọ khởi lên như lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ. Đó là những cảm thọ lạc của thân, cảm thọ khổ của thân, cảm thọ không khổ không lạc của thân; cảm thọ lạc của tâm, cảm thọ khổ của tâm, cảm thọ không khổ không lạc của tâm; cảm thọ thực vị lạc⁷⁷, cảm thọ thực vị khổ, cảm thọ thực vị không khổ không lạc; cảm lạc thọ phi thực vị, cảm thọ khổ phi thực vị, cảm thọ không khổ không lạc phi thực vị; cảm thọ lạc do tham, cảm thọ khổ do tham, cảm thọ không khổ không lạc do tham; cảm thọ lạc xuất ly, cảm thọ khổ xuất ly, cảm thọ không khổ không lạc xuất ly.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Như ở giữa hư không,
Các gió cuồng nổi dậy;
Gió Đông, Tây, Nam, Bắc,
Bốn phương đều như vậy.
Có bụi và không bụi,
Cho đến phong luân khởi.
Cũng vậy trong thân này,
Các thọ cũng dậy lên.
Hoặc lạc, hoặc khổ thọ,
Và không khổ không lạc,
Có ăn cùng không ăn,*

^{74.} S. 36. 12. Ākāsa.

^{75.} Tỳ-thấp-ba phong 暈濕波風; Pāli không có. Có lẽ Phạm: viśva-vāta, gió mạnh.

^{76.} Tỳ-lam-bà phong 韶嵐婆風; Pāli: verambha-vāta, nǎo. Bản Pāli không kể.

^{77.} Lạc thực thọ 樂食受; Pāli: sāmisāpi sukhā vedanā, cảm thọ lạc của da thịt, của vị ái nhiễm (sa-āmisa: có thịt, nhục thể, xác thịt, vật chất).

*Tham trước không tham trước.
 Tỳ-kheo siêng phương tiện,
 Chánh trí không lay động⁷⁸,
 Đối với các thọ này,
 Trí tuệ thường biết rõ.
 Vì biết rõ các thọ,
 Hiện tại sạch các lậu,
 Khi chết không đọa lạc⁷⁹,
 An trụ Bát-niết-bàn.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 472. KHÁCH XÁ⁸⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Như nhà khách có đủ hạng người đến ở. Hoặc Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, gia chủ, cư sĩ, người nhà quê, thợ săn, người trì giới, người phạm giới, người tại gia, người xuất gia. Tất cả đều trọ ở trong đó. Thân này cũng lại như vậy. Đủ các thứ thọ sanh khởi như khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ; thân thọ lạc, thân thọ khổ, thân thọ không khổ không lạc; tâm thọ lạc, tâm thọ khổ, tâm thọ không khổ không lạc; cảm thọ thực vị lạc⁸¹, cảm thọ thực vị khổ, cảm thọ thực vị không khổ không lạc; cảm thọ phi thực vị lạc, cảm thọ phi thực vị khổ, cảm thọ phi thực vị không khổ không lạc; cảm thọ lạc do tham trước, cảm thọ khổ do tham trước, cảm thọ không khổ không lạc do tham trước; cảm thọ lạc xuất ly, cảm thọ khổ xuất ly, cảm thọ không khổ không lạc xuất ly.”

^{78.} Xem cht.62 kinh 468.

^{79.} Xem cht.63 kinh 468.

^{80.} S. 36. 14. Āgāraṇī.

^{81.} Xem cht.77, kinh 471.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Như ở trong nhà khách,
Đủ hạng người ở trọ,
Sát-lợi, Bà-la-môn,
Gia chủ và cư sĩ,
Chiên-dà-la, dân quê,
Người trì giới, phạm giới,
Kẻ tại gia, xuất gia,
Nhiều hạng người như vậy.
Thân này cũng như vậy,
Các thứ cảm thọ sanh,
Hoặc vui, hoặc khổ thọ,
Và không khổ không lạc,
Thực vị, phi thực vị,
Tham đắm, không tham đắm.
Tỳ-kheo siêng phương tiện,
Chánh trí không lay động,
Đối với các thọ này,
Trí tuệ thường biết rõ,
Vì biết rõ các thọ,
Hiện tại hết các lậu,
Khi chết không đọa lạc,
An trụ Bát-niết-bàn.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 473. THIỀN⁸²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-dà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo một mình ở chỗ vắng⁸³, thiền tịnh, tư duy:

⁸². S. 36. 11. Rahogata (Ẩn dật).

⁸³. Độc nhất tĩnh xứ 獨一靜處. Pāli: rahogata, sống ẩn dật.

‘Thế Tôn nói ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói những gì thuộc về thọ thảy đều là khổ. Vậy, điều này có nghĩa gì?’

Tỳ-kheo này suy nghĩ như vậy rồi, sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con ở chỗ vắng, trong lúc thiền tịnh tư duy có nghĩ rằng: ‘Thế Tôn nói ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói những gì thuộc về thọ thảy đều là khổ. Vậy, điều này có nghĩa gì?’

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ta, vì tất cả hành đều vô thường, tất cả hành là pháp biến đổi nên nói những gì thuộc về thọ thảy đều là khổ.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Biết các hành vô thường,
Đều là pháp biến đổi,
Nên nói thọ là khổ,
Chánh Giác biết điều này.
Tỳ-kheo siêng phương tiện,
Chánh trí không lay động,
Đối với tất cả thọ,
Trí tuệ thường biết rõ.
Biết rõ tất cả thọ,
Hiện tại hết các lậu,
Khi chết không đọa lạc,
An trụ Bát-niết-bàn.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 474. CHỈ TỨC⁸⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương

⁸⁴. S. 36. 15-16. Santakam.

xá. Bấy giờ, Tôn giả A-nan ở một mình chỗ vắng, trong lúc thiền tịnh nghĩ rằng: ‘Thế Tôn nói ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói những gì thuộc về thọ đều là khổ. Vậy điều này có nghĩa gì?’

Suy nghĩ vậy rồi, sau khi từ thiền tịnh tĩnh giác, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lỗ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, lúc con một mình ở chỗ vắng, thiền tịnh tư duy rằng: ‘Như lời Thế Tôn nói ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói những gì thuộc về thọ đều là khổ. Vậy điều này có nghĩa gì?’

Phật bảo A-nan:

“Ta, vì tất cả hành là vô thường, tất cả hành là pháp biến đổi, nên nói những gì thuộc về thọ đều là khổ. Lại nữa A-nan, Ta, vì các hành tuân tự tịch diệt⁸⁵, vì các hành tuân tự tĩnh chỉ⁸⁶, nên Ta nói tất cả thọ đều là khổ.”

A-nan bạch Phật:

“Thế Tôn vì các hành tuân tự tịch diệt mà nói, là nghĩa thế nào?”

Phật bảo A-nan:

“Khi nhập⁸⁷ Sơ thiền, thì ngôn ngữ tích diệt. Nhập Nhị thiền thì giác quán⁸⁸ tịch diệt. Nhập Tam thiền, tâm hỷ tịch diệt⁸⁹. Nhập Tứ thiền, hơi thở ra vào tịch diệt. Nhập Không nhập xứ⁹⁰, sắc tưởng tịch diệt. Nhập Thức nhập xứ⁹¹, tưởng không nhập xứ vắng lặng. Nhập

⁸⁵. Tiệm thứ tịch diệt 漸 次 寂 滅. Pāli: anupubbasaṃkhārāṇam nirodho, sự biến mất của các hành theo tuân tự.

⁸⁶. Tiệm thứ chỉ tức 漸 次 止 息. Pāli: anupubbasaṃkharaṇam vūpasamo, lần lượt định chỉ, an tĩnh.

⁸⁷ Nguyên Hán: chánh thọ 正 受. Pāli: samāpatti, danh từ; phân tử samāpanna thường được dịch là đạt đến, hay nhập. Pāli: paṭhamam jhānam samāpanassa, khi chứng nhập Sơ thiền.

⁸⁸. Giác quán 覺 觀, hay tầm tú. Pāli: vitakka-vicāra.

⁸⁹. Thiền thứ ba được gọi là “Ly hỷ diệu lạc địa” (thân cảm giác lạc vi diệu do đã loại bỏ hỷ).

⁹⁰. Không nhập xứ, tức Không vô biên xứ định (hư không vô biên).

⁹¹. Thức nhập xứ, tức Thức vô biên xứ định.

Vô sở hữu nhập xứ, tưởng thức nhập xứ tịch diệt. Nhập Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, tưởng vô sở hữu nhập xứ tịch diệt. Nhập Tưởng thọ diệt, tưởng và thọ tịch diệt. Đó gọi là các hành dần dần vắng lặng.”

A-nan bạch Phật:

“Thế Tôn vì các hành tuân tự tĩnh chỉ mà nói, là nghĩa thế nào?”

Phật bảo A-nan:

“Khi nhập Sơ thiền, ngôn ngữ tĩnh chỉ. Nhập Nhị thiền thì giác quán tĩnh chỉ. Nhập Tam thiền, tâm hỷ tĩnh chỉ. Nhập Tứ thiền, hơi thở ra vào tĩnh chỉ. Nhập Không nhập xứ, sắc tưởng tĩnh chỉ. Nhập Thức nhập xứ, tưởng không nhập xứ tĩnh chỉ. Nhập Vô sở hữu nhập xứ, tưởng thức nhập xứ tĩnh chỉ. Nhập Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, tưởng vô sở hữu nhập xứ tĩnh chỉ. Nhập Tưởng thọ diệt, tưởng và thọ tĩnh chỉ. Đó gọi là các hành tuân tự tĩnh chỉ.”

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có phải đó gọi là các hành tuân tự tĩnh chỉ?”

Phật bảo A-nan:

“Lại có sự tĩnh chỉ thù thắng, tĩnh chỉ kỳ đặc, tĩnh chỉ tối thượng, tĩnh chỉ vô thượng. Sự tĩnh chỉ như vậy, đối với những sự tĩnh chỉ khác, không có gì hơn được.”

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, những gì là tĩnh chỉ thù thắng, tĩnh chỉ kỳ đặc, tĩnh chỉ tối thượng, tĩnh chỉ vô thượng. Sự tĩnh chỉ như vậy, đối với những sự tĩnh chỉ khác, không có gì hơn được?”

Phật bảo A-nan:

“Đối với tham dục, mà tâm ly nhiễm, giải thoát; với sân nhuế, mà tâm ly nhiễm, giải thoát; đó gọi là tĩnh chỉ thù thắng, tĩnh chỉ kỳ đặc, tĩnh chỉ tối thượng, tĩnh chỉ vô thượng. Sự tĩnh chỉ như vậy, đối với những sự tĩnh chỉ khác, không có gì hơn được.”

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 475. TIỀN TRÍ⁹²

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Phật Tỳ-bà-thi, khi chưa thành đạo, một mình ở chỗ thanh vắng thiền tịnh tư duy, bằng quán sát thọ như vầy mà quán sát các thọ: ‘Thế nào là thọ? Thế nào là sự tập khởi thọ? Thế nào là sự diệt tận của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự tai hại của thọ? Thế nào là sự xuất ly thọ?’ Như vậy quán sát, có ba thọ: khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Khi xúc tập khởi thì thọ tập khởi, khi xúc diệt thì thọ diệt. Nếu đối với thọ mà ham muốn, khen ngợi, đắm nhiễm, hệ lụy, đó gọi là con đường đưa đến sự tập khởi của thọ. Nếu đối với thọ mà không ham muốn, khen ngợi, không đắm nhiễm, không hệ lụy, đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ. Hỷ lạc nếu do nhân duyên thọ mà sanh, đó gọi là vị ngọt của thọ. Nếu cảm thọ là vô thường, là pháp biến dịch, đó gọi là sự tai hại của thọ. Nếu đối với cảm thọ mà đoạn trừ dục tham, vượt qua dục tham, gọi đó là xuất ly thọ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

“Giống như Phật Tỳ-bà-thi; Phật Thi-kí, Phật Tỳ-thấp-bà-phù, Phật Ca-la-ca Tôn-đề, Phật Ca-na-ca Mâu-ni, Phật Ca-diếp và Ta là Phật Thích-ca Vă̄n, khi chưa thành Phật, cũng lại tư duy quán sát các thọ như vậy.”⁹³

**

KINH 476. THIỀN TU⁹⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo; một mình ở chỗ vắng vẻ, thiền tịnh, tư duy,

^{92.} Trí đời trước. Pāli, S. 36. 24. Pubbaññāṇa.

^{93.} Tóm tắt sáu kinh.

^{94.} S. 36. 23. Bhikkhu.

quán sát các thọ như vậy: Thế nào là thọ? Thế nào là sự tập khởi của thọ? Thế nào là sự diệt tận của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự tập khởi của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự tai hại của thọ? Thế nào là xuất ly thọ?

Bấy giờ, Tỳ-kheo này sau khi từ thiền tịnh tỉnh giấc, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lỗ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con một mình ở nơi chỗ vắng thiền tịnh, tư duy, quán sát các thọ: Thế nào là thọ? Thế nào là sự tập khởi của thọ? Thế nào là sự diệt tận của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự tập khởi của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự tai hại của thọ? Thế nào là sự xuất ly thọ?

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Có ba thọ: khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Khi xúc tập khởi thì thọ tập khởi, khi xúc diệt tận thì thọ diệt tận. Nếu đối với thọ mà ham muốn, khen ngợi, đắm nhiễm, hệ lụy, đó gọi là con đường đưa đến sự tập khởi của thọ. Nếu đối với thọ mà không ham muốn, khen ngợi, đắm nhiễm, hệ lụy, đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ. Hỷ lạc nếu do nhân duyên thọ mà sanh, đó gọi là vị ngọt của thọ. Nếu cảm thọ là vô thường, là pháp biến dịch, đó gọi đó là sự tai hại của thọ. Nếu đối với cảm thọ mà đoạn trừ dục tham, vượt qua dục tham, gọi đó là xuất ly thọ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 477. A-NAN SỞ VẤN⁹⁵

Như kinh Tỳ-kheo hỏi ở trên, kinh này Tôn giả A-nan cũng hỏi như vậy.

**
*

⁹⁵. Những câu hỏi của A-nan.

KINH 478. TỲ-KHEO⁹⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-dà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là thọ? Thế nào là sự tập khởi của thọ? Thế nào là sự diệt tận của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự tập khởi của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, là sở y của pháp. Lành thay, Thế Tôn! Cúi xin nói đầy đủ, các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lánh thọ thực hành.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

“Này các Tỳ-kheo, có ba thọ: khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Khi xúc tập khởi thì thọ tập khởi; khi xúc diệt tận, thọ diệt tận. Nếu đối với thọ mà ham muốn, khen ngợi, đắm nhiễm, hệ lụy, đó gọi là con đường đưa đến sự tập khởi của thọ. Nếu đối với thọ mà không ham muốn, khen ngợi, đắm nhiễm, hệ lụy, đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ. Hỷ lạc nếu do nhân duyên thọ mà sanh, đó gọi là vị ngọt của thọ. Nếu cảm thọ là vô thường, là pháp biến dịch, đó gọi đó là sự tai hại của thọ. Nếu đối với cảm thọ mà đoạn trừ dục tham, vượt qua dục tham, gọi đó là xuất ly thọ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 479. GIẢI THOÁT

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-dà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Ta không biết như thật đối với các thọ; không biết như thật

^{96.} Pāli: S.36.25 Bhikkhu.

đối với sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, con đường đưa đến sự tập khởi của thọ, con đường đưa đến sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, xuất ly thọ, thì Ta ở giữa chư Thiên, thế gian, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người, không được giải thoát, xuất thọ, thoát khỏi các đênh đảo, cũng không phải Chánh Đẳng Chánh Giác⁹⁷. Vì Ta biết như thật đối với các thọ, sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, con đường đưa đến sự tập khởi của thọ, con đường đưa đến sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, xuất thọ, nên ở giữa chư Thiên, thế gian, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người, Ta là Bậc Giải Thoát, là Bậc Xuất Ly, là Bậc ra khỏi các đênh đảo và đạt được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 480. SA-MÔN BÀ-LA-MÔN⁹⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-dà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật đối với các thọ; không biết như thật đối với sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, con đường đưa đến sự tập khởi của thọ, con đường đưa đến sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, xuất ly thọ, người này không phải là Sa-môn, không phải là Bà-la-môn, không đồng với Sa-môn, Bà-la-môn, cũng không phải nghĩa Sa-môn, cũng không phải nghĩa Bà-la-môn⁹⁹, ngay trong đời hiện tại không tự trì tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật đối với các thọ;

^{97.} Nguyên bản: A-nâu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

^{98.} S. 36. 26-28. Samāṇa-brāhmaṇa.

^{99.} Sa-môn nghĩa, Bà-la-môn nghĩa 沙門 義婆羅門 義. Pāli: sāmaññattham
brāhmaññattham, đối với mục đích của Sa-môn, Bà-la-môn.

biết như thật đối với sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, con đường đưa đến sự tập khởi của thọ, con đường đưa đến sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, xuất ly thọ, người này là Sa-môn của Sa-môn, Bà-la-môn của Bà-la-môn, đồng với Sa-môn, đồng với Bà-la-môn, đúng nghĩa Sa-môn, đúng nghĩa Bà-la-môn, ngay trong đời hiện tại tự tri tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

“Như Sa-môn, không phải Sa-môn. Cũng vậy, Sa-môn số¹⁰⁰ và không phải Sa-môn số cũng đều như vậy.”

**
*

KINH 481. NHẤT-XA-NĂNG-GIÀ-LA¹⁰¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong rừng Nhất-xa-năng-già-la¹⁰², nước Nhất-xa-năng-già-la. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta muốn ở lại tại đây nửa tháng để ngồi thiền. Các Tỳ-kheo, chớ đi du hành nữa¹⁰³, trừ khi đi khất thực và Bố tát.”

Rồi tọa thiền, không du hành nữa.

Bấy giờ, qua nửa tháng, Thế Tôn trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo:

“Khi Ta, bằng một ít thiền phần của thiền pháp được tư duy khi mới thành Phật, nay trong tháng này, tư duy rằng: Sự sanh khởi của tất cả cảm thọ của chúng đều có nhân duyên, không phải không có nhân duyên.

“Những gì là nhân duyên? Dục là nhân duyên, giác¹⁰⁴ là nhân

¹⁰⁰. Xem cht.74, kinh. 391.

¹⁰¹. Pāli, S. 54. 11. Icchānaṅgala.

¹⁰². Nhất-xa-năng-già-la lâm 壹奢能伽羅林. Pāli: Icchānaṅgalavāna.

¹⁰³. Trong bản Pāli: trừ thị giả mang thức ăn đến, đừng ai đến chỗ Ta.

¹⁰⁴. Giác, đây chỉ tâm, hay tư duy tâm cầu. Pāli: vitakka.

duyên, xúc là nhân duyên. Nay các Tỳ-kheo, nếu dục không được diệt tận¹⁰⁵, giác không diệt tận, xúc không diệt tận, do những nhân duyên này mà cảm thọ của chúng sanh phát sanh. Vì nhân duyên không được diệt tận nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

“Nếu dục kia được diệt tận, nhưng giác không diệt tận, xúc không diệt tận, do những nhân duyên này mà cảm thọ của chúng sanh phát sanh. Vì nhân duyên không được diệt tận nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

“Nếu dục kia được diệt tận, giác diệt tận, nhưng xúc không diệt tận, do những nhân duyên này mà cảm thọ của chúng sanh phát sanh. Vì nhân duyên không được diệt tận nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

“Nếu dục kia được diệt tận, giác diệt tận, xúc diệt tận; nhưng do nhân duyên kia mà cảm thọ của chúng sanh phát sanh, là do nhân duyên cái kia diệt tận, nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

“Vì nhân duyên tà kiến nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh; vì nhân duyên tà kiến không diệt tận nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh; vì nhân duyên tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phuơng tiễn, tà niệm, tà định, tà giải thoát và tà trí, nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh. Vì nhân duyên tà trí không diệt tận nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

“Do nhân duyên chánh kiến nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh; do nhân duyên chánh kiến tịch diệt nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh; do nhân duyên chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phuơng tiễn, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát và chánh trí nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh; do nhân duyên chánh trí tịch diệt nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

“Nếu dục này không được mà được, không thu hoạch mà thu hoạch, không chứng mà chứng, thì cũng vì nhân duyên này mà cảm thọ của chúng sanh phát sanh, vì nhân duyên cái kia tịch diệt nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh. Đó gọi là vì nhân duyên không diệt tận, nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh; và vì nhân duyên diệt tận nên cảm thọ của chúng sanh phát sanh.

¹⁰⁵. Tịch diệt, đây chỉ diệt tận. Pāli: nirodha.

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào, không biết như thật đối với duyên duyên, sự tập khởi của duyên duyên, sự diệt tận của duyên duyên, con đường đưa đến sự tập khởi của duyên duyên, con đường đưa đến sự diệt tận của duyên duyên như vậy, thì người này không phải là Sa-môn của Sa-môn, không phải Bà-la-môn của Bà-la-môn, không đồng với Sa-môn của Sa-môn, không đồng với Bà-la-môn của Bà-la-môn, không đúng nghĩa Sa-môn, không đúng nghĩa Bà-la-môn, đối với pháp hiện tại không tự tri tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào, mà biết như thật đối với duyên duyên, sự tập khởi của duyên duyên, sự diệt tận của duyên duyên, con đường đưa đến sự tập khởi của duyên duyên và con đường đưa đến sự diệt tận của duyên duyên như vậy, thì người này là Sa-môn của Sa-môn, là Bà-la-môn của Bà-la-môn, đồng với Sa-môn của Sa-môn, đồng với Bà-la-môn của Bà-la-môn, đúng nghĩa Sa-môn, đúng nghĩa Bà-la-môn, đối với pháp hiện tại tự tri tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 482. HỶ LẠC¹⁰⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đang mùa hạ an cư, gia chủ Cấp Cô Độc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lẽ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật vì gia chủ, bằng nhiều hình thức mà thuyết pháp, khai thị, soi sáng, chỉ dạy, làm cho hoan hỷ. Sau khi được Phật khai thị, soi sáng, chỉ giáo, làm cho hoan hỷ, gia chủ đứng dậy sửa lại y phục, đánh lẽ dưới chân Phật, rồi chắp tay, bạch Phật:

¹⁰⁶. Tham chiếu, Pāli, A. 5, 176. Piṭṭi.

“Cúi xin Thế Tôn và đại chúng từ bi thọ nhận lời thỉnh nguyện của con, trong ba tháng hạ, cúng dường y phục, ẩm thực, y dược, ngọa cụ.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn yên lặng nhận lời. Khi ấy Cấp Cô Độc biết Phật đã im lặng nhận lời rồi, đứng dậy từ giã trở về nhà mình. Qua ba tháng, ông đến chỗ Phật, lê dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Phật bảo Cấp Cô Độc:

“Lành thay, gia chủ! Ông ba tháng qua đã cúng dường y phục, ẩm thực, y dược, ngọa cụ. Ông do vào sự trang nghiêm tịnh trị thượng đạo¹⁰⁷ này, mà ở đời vị lai sẽ được phước báo an lạc. Nhưng hiện tại ông không nên mặc nhiên thụ hưởng sự an lạc này, phải tinh tấn lúc nào cũng học, để thành tựu và tự thân tác chứng hỷ lạc do viễn ly¹⁰⁸. ”

Bấy giờ, gia chủ Cấp Cô Độc nghe Phật dạy như vậy, tùy hỷ hoan hỷ, đứng dậy đánh lễ ra về.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi giữa đại chúng, biết ông Cấp Cô Độc đã về rồi, liền bạch Phật:

“Kỳ diệu thay, Thế Tôn! Khéo vì gia chủ Cấp Cô Độc thuyết pháp khích lệ ông Cấp Cô Độc rằng: ‘Ông ba tháng đã cúng dường y phục, ẩm thực, y dược, ngọa cụ. Ông do vào sự tịnh trị thượng đạo này, mà ở đời vị lai sẽ được phước báo an lạc. Nhưng hiện tại ông không nên mặc nhiên thụ hưởng phước báo này, phải tinh tấn lúc nào cũng học, để thành tựu và tự thân tác chứng hỷ lạc do viễn ly.’

“Bạch Thế Tôn, giả sử Thánh đệ tử học để thành tựu và tự thân tác chứng hỷ lạc do viễn ly, sở đắc viễn ly năm pháp¹⁰⁹ và phải tu tập viên mãn năm pháp.

“Thế nào là viễn ly năm pháp? Đoạn trừ hỷ được nuôi lớn bởi dục, đoạn trừ ưu được nuôi lớn bởi dục, đoạn trừ xả được nuôi lớn bởi dục; đoạn trừ hỷ được nuôi lớn bởi pháp bất thiện, đoạn trừ ưu được

¹⁰⁷. Nghĩa là, trang nghiêm và chỉnh sửa con đường sanh Thiên.

¹⁰⁸. Viễn ly hỷ lạc 遠離喜樂 (Pāli: pavivekaja-pīti-sukha); đây chỉ hỷ lạc trạng thái Sơ thiền. Pāli: kinti maya kālena kālam paviveka pītiṃ upasampajja, làm sao tùy thời tôi chứng và an trú với trạng thái hỷ do viễn ly này?

¹⁰⁹. Viễn ly ngũ pháp 遠離五法. Pāli: pañcassa ṭhanāni tasmiṃ na honti, trong thời gian (học hạnh viễn ly) ấy, có năm trường hợp không xảy ra.

nuôi lớn bởi pháp bất thiện. Đó gọi là năm pháp viễn ly.

“Thế nào là tu tập viên mãn năm pháp? Đó là tùy hỷ, hoan hỷ, khinh an¹¹⁰, lạc và nhất tâm.”

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Đúng thế, đúng thế! Nếu Thánh đệ tử học để thành tựu và tự thân tác chứng hỷ lạc do viễn ly, sở đắc viễn ly năm pháp và phải tu tập viên mãn năm pháp.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 483. VÔ THỰC LẠC¹¹¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có niệm có thực vị, có niệm không thực vị¹¹², có niệm vừa không thực vị vừa có thực vị. Có lạc có thực vị, có lạc không thực vị, có lạc vừa không thực vị vừa có thực vị. Có xả có thực vị, có niệm không thực vị, có xả vừa không thực vị vừa có thực vị. Có giải thoát có thực vị, có giải thoát không thực vị, có giải thoát vừa không thực vị vừa có thực vị.

“Thế nào là niệm có thực vị? Niệm¹¹³ sanh ra do năm dục làm nhân duyên.

“Thế nào là niệm không thực vị? Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện; có giác, có quán, có hỷ lạc do viễn ly sanh, thành tựu và an trụ Sơ thiền. Đó gọi là niệm không thực vị.

“Thế nào là niệm vừa không thực vị vừa có thực vị? Tỳ-kheo có giác, có quán, nội tịnh nhất tâm; không giác, không quán, có hỷ lạc do

¹¹⁰. Nguyên Hán: ỷ tức 疾 息.

¹¹¹. Lạc phi vật chất. Pāli, S. 36. 29. Nirāmisaṃ.

¹¹². Thực niệm vô thực niệm 食念無食念. Pāli: atthi sāmisā pīti atthi nirāmisā pīti, có hỷ do vật dục (sāmisa: có thịt), có hỷ phi vật dục (nirāmisa: không có thịt).

¹¹³. Bản Pāli: pīti, hỷ..

định sanh, thành tựu và trụ Nhị thiền. Đó gọi là niệm vừa không thực vị vừa có thực vị.

“Thế nào là lạc có thực vị? Lạc, hỷ, do năm dục làm nhân duyên sanh ra. Đó gọi là lạc có thực vị.

“Thế nào là lạc không thực vị? Dứt có giác có quán, nội tĩnh nhất tâm; không giác, không quán, có hỷ lạc do định sanh. Đó gọi là vô thực lạc.

“Thế nào là lạc vừa không thực vị vừa có thực vị? Tỳ-kheo lìa hỷ, tham, an trú xả tâm với chánh niệm, chánh tri, trụ an lạc, điều mà Thánh nói là xả. Đó gọi là lạc vừa không thực vị vừa có thực vị.

“Thế nào là xả có thực vị? Xả do ngũ dục làm nhân duyên sanh ra. Đó gọi là xả có thực vị.

“Thế nào là xả không thực vị? Tỳ-kheo lìa hỷ tham, an trú xả tâm, với chánh niệm, chánh tri, an trú lạc, điều Thánh nói là xả, thành tựu và an trú Tam thiền. Đó gọi là xả không thực vị.

“Thế nào là xả vừa không thực vị vừa có thực vị? Tỳ-kheo xa lìa khổ, dứt lạc; ưu và hỷ trước đã dứt, không khổ không lạc, xả và niệm thanh tịnh, nhất tâm, thành tựu và an trú Tứ thiền. Đó gọi là vừa không thực vị vừa có thực vị.

“Thế nào là giải thoát có thực vị? Hành cùng đi với sắc¹¹⁴.

“Thế nào là vô thực giải thoát? Hành cùng đi với vô sắc.

“Thế nào là giải thoát vừa không thực vị vừa có thực vị? Tỳ-kheo kia, giải thoát với tâm không nhiễm tham dục, không nhiễm sân nhuế, ngu si. Đó gọi là giải thoát vừa không thực vị vừa có thực vị.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 484. BẠT-ĐÀ-LA¹¹⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-

¹¹⁴. Sắc câu hành. Pāli: rūpappaṭisamyutto vimokkho, giải thoát liên hệ với sắc.

¹¹⁵. Pāli, A. 5. 170. Bhaddaji.

vệ. Bấy giờ, Tôn giả Bạt-dà-la¹¹⁶ và Tôn giả A-nan đều ở vườn Cấp cô độc rừng cây Kỳ-đà. Khi ấy Tôn giả A-nan đi đến chỗ Tôn giả Bạt-dà-la. Sau khi thăm hỏi sức khỏe xong, ngồi xuống một bên, rồi Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả Bạt-dà-la:

“Thế nào gọi là thấy đệ nhất¹¹⁷? Thế nào là nghe đệ nhất? Thế nào là lạc đệ nhất? Thế nào là tưởng đệ nhất? Thế nào là hữu đệ nhất¹¹⁸? ”

Tôn giả Bạt-dà-la nói với Tôn giả A-nan:

“Có Phạm thiên, là đấng tự tại, tạo tác, biến hóa như ý, là cha của thế gian. Thấy được Phạm thiên thì gọi đó là cái thấy đệ nhất.

“Này A-nan, có chúng sanh có hỷ lạc do viễn ly sanh thấm nhuần khắp mọi nơi, mọi nơi đều cảm giác hân hoan, toàn thân sung mãn, không chỗ nào là không tràn đầy bởi hỷ lạc phát sanh do viễn ly. Chúng sanh này, sau khi xuất định, xướng lên giữa đại chúng: ‘Vô cùng tịch tĩnh thay, hỷ lạc do viễn ly sanh này! Vô cùng tịch tĩnh thay, hỷ lạc do viễn ly sanh này!’ Nghe được âm thanh này thì gọi là cái nghe đệ nhất.

“Lại nữa A-nan, nếu có chúng sanh ở nơi thân này có lạc do đã lìa hỷ thấm nhuần khắp mọi nơi, mọi nơi đều cảm giác hân hoan, toàn thân sung mãn, không chỗ nào là không tràn đầy bởi lạc do đã lìa hỷ này. Đó gọi là lạc đệ nhất.

“Thế nào là tưởng đệ nhất? Ngày A-nan, có chúng sanh vượt qua tất cả thức nhập xứ, nhập vô sở hữu, thành tựu và an trụ vô sở hữu nhập xứ. Nếu khởi lên tưởng này, thì gọi là tưởng đệ nhất.

“Thế nào là hữu đệ nhất? Lại nữa A-nan, có chúng sanh vượt qua tất cả Vô sở hữu nhập xứ, thành tựu và an trụ Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ. Nếu khởi hữu này, thì gọi là hữu đệ nhất.”

Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Bạt-dà-la:

“Có nhiều người thấy như vậy, nói như vậy; vậy thì Tôn giả cũng

^{116.} Bạt-dà-la 跋陀羅. Pāli: Bhaddaji.

^{117.} Kiến đệ nhất 見第一. Pāli: dassānam aggam, tối thượng trong những cái được thấy.

^{118.} Hữu đệ nhất 有第一, chỉ cõi trời Hữu danh. Pāli: bhavānam aggam, tối thượng trong các hữu.

giống họ, đâu có khác gì? Tôi dùng phương tiện hỏi Tôn giả, Tôn giả hãy lắng nghe, tôi sẽ vì Tôn giả mà nói. Theo như cái được quán sát này, mà lần lượt diệt tận các lậu, đó mới gọi là cái thấy đệ nhất. Theo như điều được nghe mà lần lượt diệt tận các lậu, đó mới gọi là cái nghe đệ nhất. Theo như lạc được phát sanh mà lần lượt diệt tận các lậu, đó mới gọi là lạc đệ nhất. Theo như điều được tưởng mà lần lượt diệt tận các lậu, đó mới gọi là tưởng đệ nhất. Như thực quán sát, lần lượt diệt tận các lậu, thì đó mới gọi là hữu đệ nhất.”

Bấy giờ, hai vị Chánh sĩ sau khi bàn luận xong, đứng dậy cáo từ.

**
*

KINH 485. ƯU-ĐÀ-DI¹¹⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ vua Bình-sa¹²⁰ đi đến chỗ Tôn giả Ưu-đà-di, cúi đầu đánh lễ, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Tôn giả Ưu-đà-di:

“Đức Thế Tôn nói có bao nhiêu thọ?”

Tôn giả Ưu-đà-di đáp:

“Tâu Đại vương, Thế Tôn nói ba thọ: thọ khổ, thọ lạc thọ không khổ không lạc.”

Vua Bình-sa bạch Tôn giả Ưu-đà-di:

“Chớ nói như vậy, rằng ‘Thế Tôn nói ba thọ là thọ khổ, thọ lạc, thọ không khổ không lạc.’ Nhưng đúng ra phải nói có hai thọ là thọ khổ và thọ lạc. Thọ không khổ không lạc là tịch diệt.”

“Nói ba lần như vậy.”

Tôn giả Ưu-đà-di không thể xác lập ba thọ với vua và vua cũng không thể xác lập hai thọ. Cả hai cùng đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-đà-di bạch lại với Phật những sự việc trên một cách đầy đủ:

“Con cũng không thể xác lập được ba thọ và vua cũng không thể

¹¹⁹. S. 36. 19. Pañcakañgo.

¹²⁰. Bình-sa vương 瓶婆王 (Pāli: Bimbisāra); vua nước Ma-kiết-dà. Bản Pāli: Pañcakañgako thapati (Ngũ chi vật chủ), một người thợ mộc

xác lập được hai thọ; nên nay chúng con cùng đến hỏi Thế Tôn, xin quyết định nghĩa này, là có mấy thọ?"

Phật bảo Tôn giả Ưu-đà-di:

"Ta có khi nói một thọ, có khi nói hai thọ, hoặc có khi nói ba, bốn, năm, sáu, mười tám, ba mươi sáu, cho đến một trăm lẻ tám thọ, hoặc có khi nói vô lượng thọ.

"Ta nói một thọ như thế nào? Như nói, 'Những gì là thọ đều là khổ.' Đó gọi là Ta nói có một thọ.

"Ta nói hai thọ như thế nào? Nói, 'Thân thọ và tâm thọ.' Đó gọi là có hai thọ.

"Thế nào là ba thọ? Thọ khổ, thọ vui, thọ không khổ không vui.

"Thế nào là bốn thọ? Thọ hệ thuộc Dục giới, thọ hệ thuộc Sắc giới, thọ hệ thuộc Vô sắc giới và thọ không hệ thuộc.

"Thế nào là nói năm thọ? Lạc căn, hỷ căn, khổ căn, ưu căn và xả căn. Đó gọi là năm thọ.

"Thế nào là sáu thọ? Thọ sanh từ nhẫn xúc, thọ sanh từ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc. Đó gọi là sáu thọ.

"Thế nào là mười tám thọ? Thọ, theo sáu hỷ hành, sáu ưu hành và sáu xả hành. Đó gọi là mười tám thọ.

"Thế nào là ba mươi sáu thọ? Hỷ y sáu tham trước, hỷ y sáu ly tham; ưu y sáu tham trước, ưu y sáu ly tham; xả y sáu tham trước, xả sáu ly tham. Đó gọi là ba mươi sáu thọ.

"Thế nào là một trăm lẻ tám thọ? Ba mươi sáu thọ quá khứ, ba mươi sáu thọ vị lai và ba mươi sáu thọ hiện tại. Đó gọi là một trăm lẻ tám thọ.

"Thế nào là vô lượng thọ? Như nói thọ này, thọ kia v.v... Nay Tỳ-kheo, như vậy gọi là vô lượng thọ.

"Này Ưu-đà-di, Ta bằng nhiều hình thức như vậy nói như thật nghĩa của thọ. Thế gian không hiểu, nên tranh luận và mâu thuẫn chống trái nhau, trọn không nắm được nghĩa chân thật trong pháp luật của Ta, để tự dừng lại.

"Này Ưu-đà-di, nếu đối với nghĩa của nhiều loại thọ mà Ta đã nói đây, hiểu biết như thật, thì không khởi tranh luận và mâu thuẫn chống trái nhau. Với tranh luận đã khởi lên hay chưa khởi lên, có thể bằng pháp luật này mà ngăn ngừa, khiến cho nó đình chỉ.

“Nhưng này Ưu-đà-di, có hai thọ: thọ dục và thọ ly dục. Thế nào là thọ dục? Thọ do nhân duyên năm công đức của dục sanh ra, đó gọi là thọ dục. Thế nào là thọ ly dục? Tỳ-kheo ly dục và pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc phát sanh do viễn ly, thành tựu và an trụ Sơ thiền, đó gọi là thọ ly dục.

“Nếu có người nói: ‘Chúng sanh nương vào Sơ thiền này, chỉ có đây là lạc, ngoài ra không còn gì khác.’ Điều này không đúng. Vì sao? Vì còn có cái lạc thù thắng hơn cái lạc này. Đó là gì? Tỳ-kheo lìa có giác, lìa có quán, nội tĩnh, có hỷ lạc do định sanh, thành tựu và an trụ Nhị thiền; đó gọi là lạc thù thắng. Như vậy, cho đến, Phi tưởng phi tưởng nhập xứ, càng lên càng thù thắng hơn.

“Nếu có người nói: ‘Chỉ có những xứ này, cho đến, Phi tưởng phi phi tưởng là cực lạc, không còn chỗ nào khác.’ Như vậy cũng lại không đúng. Vì sao? Vì còn có cái lạc thù thắng hơn những nơi này nữa. Đó là gì? Tỳ-kheo vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, tưởng thọ diệt, tự thân tác chứng thành tựu; đó là cái lạc thù thắng hơn cái lạc trên.

“Nếu có kẻ xuất gia dị học nói: ‘Sa-môn Thích tử chỉ nói đến tưởng thọ diệt và cho là đã đến chỗ tận cùng của lạc’, điều này không đúng. Vì sao? Vì đây không phải là danh nghĩa thọ lạc mà Thế Tôn đã nói. Danh nghĩa thọ lạc mà Thế Tôn nói là, như nói: ‘Này Ưu-đà-di, có bốn thứ lạc. Những gì là bốn? Đó là lạc ly dục, lạc viễn ly, lạc tịch diệt và lạc Bồ-đề.’”

Phật nói kinh này xong, Ưu-đà-di và vua Bình-sa nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 486. NHẤT PHÁP (1)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu đối với một pháp, mà sanh chân chánh nhảm惘, không ưa, xả bỏ, sẽ chứng đắc lậu tận. Đó là, tất cả chúng sanh do thức ăn mà tồn tại.

“Lại có hai pháp, đó là danh và sắc. Lại có ba pháp, đó là ba thọ. Lại có bốn pháp, đó là bốn thực. Lại có năm pháp, đó là năm thọ ấm. Lại có sáu pháp, đó là sáu nội, ngoại nhập xứ. Lại có bảy pháp, đó là bảy thức trụ. Lại có tám pháp, đó là tám pháp thế gian. Lại có chín pháp, đó là chín chỗ cư ngụ của chúng sanh. Lại có mười pháp, đó là mười nghiệp. Đối với mười pháp này, thật sự nhảm nhèm, không ưa, xả bỏ, sẽ đến chỗ tận cùng mê khổ và giải thoát khỏi khổ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 488. NHẤT PHÁP (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-dà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu đối với một pháp, mà quán sát vô thường, quán sát biến đổi, quán sát ly dục, quán sát diệt tận, quán sát xả ly, sẽ tận trừ các lậu hoặc. Đó là, tất cả chúng sanh do thức ăn mà tồn tại.

“Lại có hai pháp, đó là danh và sắc. Lại có ba pháp, đó là ba thọ. Lại có bốn pháp, đó là bốn thực. Lại có năm pháp, đó là năm thọ ấm. Lại có sáu pháp, đó là sáu nội, ngoại nhập xứ. Lại có bảy pháp, đó là bảy thức trụ. Lại có tám pháp, đó là tám pháp thế gian. Lại có chín pháp, đó là chín chỗ cư ngụ của chúng sanh. Lại có mười pháp, đó là mười nghiệp. Đối với mười pháp này, chân chánh quán sát vô thường, quán sát biến đổi, quán sát ly dục, quán sát diệt tận, quán sát xả ly, sẽ diệt trừ hết các lậu.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 489. NHẤT PHÁP (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-dà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu đối với một pháp, mà quán sát vô thường, quán sát biến đổi, quán sát ly dục, quán sát diệt tận, quán sát xả ly, sẽ đến chổ tận cùng của mé khổ và giải thoát khỏi khổ. Đó là, tất cả chúng sanh do thức ăn mà tồn tại.

“Lại có hai pháp, đó là danh và sắc. Lại có ba pháp, đó là ba thọ. Lại có bốn pháp, đó là bốn thực. Lại có năm pháp, đó là năm thọ ấm. Lại có sáu pháp, đó là sáu nội, ngoại nhập xứ. Lại có bảy pháp, đó là bảy thức trụ. Lại có tám pháp, đó là tám pháp thế gian. Lại có chín pháp, đó là chín chổ ở của chúng sanh. Lại có mười pháp, đó là mười nghiệp. Đối với mười pháp này, chân chánh quán sát vô thường, quán sát biến đổi, quán sát ly dục, quán sát diệt tận, quán sát xả ly, sẽ đến chổ tận cùng của mé khổ và giải thoát khỏi khổ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.



TẠP A-HÀM QUYỂN 18

KINH 490. DIÊM-PHÙ-XA¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại xóm Na-la², nước Ma-kiệt-đề.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng ở xóm Na-la, Ma-kiệt-đề.

Khi ấy, có xuất gia ngoại đạo tên là Diêm-phù-xa³, là bạn cũ của Xá-lợi-phất⁴, đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng nhau thăm hỏi sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Xá-lợi-phất:

“Trong pháp luật của Hiền thánh có việc gì khó⁵?”

Xá-lợi-phất bảo Diêm-phù-xa:

“Chỉ có xuất gia là khó.”

“Xuất gia, cái gì là khó?”

Đáp:

“Ái lạc⁶ khó.”

“Ái lạc, cái gì là khó?”

Đáp:

1. Đại Chánh quyển 18, “Đệ tử sở thuyết tụng đệ tử phẩm”. Quốc Dịch “Tụng iv”. Ấn Thuận, Tụng vi. Đệ tử sở thuyết và ghi chú: “Nguyên phụ vào ‘Tập nhân tụng’. Nhưng nguyên bản dịch đã biệt lập, để ‘Đệ tử sở thuyết tụng đệ tử’. Từ quyển 18-22; phân thành sáu Tương ứng, Ấn Thuận: 28. Tương ứng Xá-lợi-phất (Đại Chánh kinh 490-500), 29. Tương ứng Mục-kiền-liên (Đại Chánh kinh 501-534), 30. Tương ứng A-na-luật (Đại Chánh kinh 535-545), 31. Tương ứng Đại Ca-chiên-diên (Đại Chánh kinh 546-555), 32. Tương ứng A-nan (Đại Chánh kinh 556-565), 33. Tương ứng Chất-đa-la (Đại Chánh kinh 566-575). Tương đương Pāli, các Samyutta: S.38.Jambukhādaka, S.39. Sāmanadaka, S.40. Moggalāra, 41. Cittā. Chú thích của Ấn Thuận Hội Biên (hạ): “Xá-lợi-phất tương ứng, gồm tám mươi mốt kinh”. Bảy mươi hai kinh đầu tương đương Pāli các Samyutta: S.38, S.39. Đại Chánh, kinh số 490. Tương đương Pāli, S.38. 1-16. Nibbāna và tiếp theo.

2. Na-la tụ lạc 那 羅 聚 落. Pāli: Nālakagāmaka.

3. Diêm-phù-xa 閻 浮 車. Pāli: Jambukhādaka-paribbājaka.

4. Chú giải Pāli nói ông là cháu của Xá-lợi-phất (the rassa bhāgineyyo).

5. Đoạn đối thoại, tương đương Pāli, S.38.16 Dukkara.

6. Ái lạc 愛 樂; Pāli: abhirati, đây chỉ sự vui thú đời sống xuất gia.

“Thường tu tập thiện pháp là khó.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Có con đường nào, có sự thực hành⁸ nào mà tu tập, tu tập nhiều, thường tu tập, thì thiện pháp tăng trưởng không?”

Đáp:

“Có. Đó là tám Thánh đạo: chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định.”

Diêm-phù-xa nói:

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, đây là con đường tốt đẹp, đây là sự thực hành tốt đẹp, nếu được tu tập, tu tập nhiều, đối với các pháp thiện thường tu tập để tăng trưởng. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu người xuất gia luôn luôn tu tập con đường này, thì chẳng bao lâu sẽ nhanh chóng diệt tận được các hữu lậu.”

Khi ấy hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Tương tự như kinh trên, với những câu hỏi của Diêm-phù-xa, gồm bốn mươi kinh⁹.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:¹⁰

“Thế nào là vị khéo thuyết pháp? Thế nào là vị chánh hướng trong đời¹¹? Thế nào là vị thiện thệ trong đời¹²? ”

Xá-lợi-phất nói:

“Nếu thuyết pháp mà điều phục dục tham, điều phục sân nhuế, điều phục ngu si; đó gọi là vị khéo thuyết pháp. Nếu hướng đến sự điều phục dục tham, hướng đến sự điều phục sân nhuế, hướng đến sự điều phục ngu si; đó gọi là chánh hướng. Nếu tham dục đã bị đoạn tận,

^{7.} Bản Pāli: “thực hành pháp và tùy pháp là khó”.

^{8.} Hữu đạo hữu hướng 有道有向. Pāli: atthi maggo atthi paṭipadā, có đạo và đạo tích.

^{9.} Thực tế bản Hán chỉ có ba mươi sáu.

^{10.} Đoạn văn đáp 2, Pāli, S.38.3 Dhammavādī.

^{11.} Thế gian chánh hướng 世間正向. Pāli: loke suppaṭippanna, vị hành trì chánh, hay khéo hành trì trong đời.

^{12.} Thế gian thiện thệ 世間善逝. Pāli: loke sugata, vị đã khéo léo đi đến (Niết-bàn).

đã được biến tri không dư tàn; sân nhuế và ngu si đã bị đoạn tận, đã được biến tri không dư tàn; đó gọi là thiện thệ.”

Lại hỏi:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thường tu tập, thì có thể phát khởi thiện thệ¹³? ”

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định.”

Sau khi hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:¹⁴

“Nói là Niết-bàn; thế nào là Niết-bàn?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Niết-bàn là sự đoạn tận vĩnh viễn của tham dục; sự đoạn tận vĩnh viễn sân nhuế, ngu si; sự đoạn tận vĩnh viễn của tất cả các phiền não. Đó gọi là Niết-bàn.”

“Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thường tu tập, thì chứng đắc Niết-bàn chẳng?”

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định.”

Sau khi hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:¹⁵

“Vì sao ở chỗ Sa-môn Cù-dàm xuất gia tu phạm hạnh?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Vì để đoạn trừ tham dục, đoạn trừ sân nhuế, đoạn trừ ngu si nên ở chỗ Sa-môn Cù-dàm xuất gia tu phạm hạnh¹⁶. ”

“Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều thì có đoạn được tham dục, sân nhuế, ngu si không?”

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định.”

Sau khi hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau. .

^{13.} Bản Pāli: “Có con đường nào dẫn đến sự dứt trừ tham dục, sân nhuế, ngu si?”

^{14.} Đoạn vấn đáp 3, Pāli S.38.1 Nibbāna.

^{15.} Đoạn vấn đáp 4, Pāli S.38.4 Kimatthi.

^{16.} Bản Pāli: dukkhassa pariññattham, “vì mục đích biến tri khổ”.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:¹⁷

“Nói là hữu lậu đã đoạn tận. Thế nào là hữu lậu đã được đoạn tận?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Hữu lậu có ba¹⁸; đó là dục hữu lậu, hữu hữu lậu và vô minh hữu lậu. Ba thứ hữu lậu này đã trừ hết, không còn sót, nên gọi là hữu lậu đã được đoạn tận.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì các lậu trừ hết không.”

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:¹⁹

“Nói là A-la-hán. Thế nào là A-la-hán?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Tham dục, sân nhuế, ngu si đã trừ sạch không còn sót, thì gọi là A-la-hán.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, để chứng đắc A-la-hán không?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:²⁰

“Nói là A-la-hán. Thế nào là A-la-hán?”

Xá-lợi-phất đáp:

^{17.} Đoạn vấn đáp 5, Pāli, S.38.8 Āśavā.

^{18.} Bản Pāli, ba lậu: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, tayo āsvā: kāmāsavo, bhavāsavo, avijjāsavo.

^{19.} Đoạn vấn đáp 6, Pāli, S.38.2 Arahattam.

^{20.} Đoạn vấn đáp 7, không có Pāli tương đương.

“Khi tham dục, sân nhuế, ngu si đã vĩnh viễn diệt tận không còn sót, đó gọi là A-la-hán.”

Lại hỏi:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì chứng đắc A-la-hán không?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:²¹

“Nói là vô minh. Thế nào là vô minh?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Nói là vô minh, là không biết tiền tế, không biết hậu tế, không biết tiền, hậu, trung tế²²; không biết Phật, Pháp, Tăng; không biết Khổ, Tập, Diệt, Đạo; không biết thiện, bất thiện và vô ký; không biết trong, không biết ngoài. Nếu đối với những sự này hay sự kia mà không biết, bị ám chướng, đó gọi là vô minh²³.”

Diêm-phù-xa nói với Xá-lợi-phất:

“Đây là khối u ám vĩ đại.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì đoạn trừ vô minh không?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

²¹. Đoạn vấn đáp 8, Pāli, S.38.9. Avijjā.

²². Tiền tế, hậu tế, trung tế 前 際, 後 際, 中 際: giới hạn quá khứ khởi thủy, giới hạn tận cùng vị lai, giới hạn trung gian.

²³. Bản Pāli: dukkhe aññāṇam dukkhasamudaye aññāṇam dukkhanirodhe aññāṇam dukkhanirodhagāminiyā paṇipadāya aññāṇam, ayaṁ vuccati avijjā, “không biết khổ, không biết tập khởi của khổ, không biết sự diệt khổ, không biết con đường dẫn đến diệt khổ; đó được nói là vô minh”.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:²⁴

“Gọi là hữu lậu. Thế nào là hữu lậu?”

*Như trên đã nói.*²⁵

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:²⁶

“Nói là hữu. Thế nào là hữu?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Hữu có ba; đó là dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Có con đường nào, có hướng đến nào để tu tập và khi tu tập nhiều thì có đoạn trừ những hữu này không?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:²⁷

“Nói là hữu thân²⁸; thế nào là hữu thân?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Hữu thân, đó là năm thọ ám. Thế nào là năm thọ ám? Đó là sắc, thọ, tưởng, hành, thức thọ ám.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào, để đoạn trừ hữu thân này không?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

²⁴. Đoạn vấn đáp 9, không có Pāli tương đương.

²⁵. Xem đoạn 5 ở trên.

²⁶. Đoạn vấn đáp 10, Pāli, S.38.13 Bhava.

²⁷. Đoạn vấn đáp 11, S.38.15 Sakkāya.

²⁸. Hán: hữu thân 有身, hay tự thân. Pāli, sakkāya; Cf. S.ii., tr. 159: katamo bhikkhave sakkāyo? pañcūpādāna-kkhandhā tassa vacaniyam, “Thế nào là hữu thân? Năm thủ uẩn, được nói là hữu thân”.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phật:²⁹

“Nói là khổ; thế nào là khổ?”

Xá-lợi-phật đáp:

“Khổ là chỉ cho sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, ân ái xa cách nhau khổ, oán ghét gắp nhau khổ, những gì cầu không được khổ, lược nói về khổ của năm thọ ám, thì đó gọi là khổ.”

Lại hỏi Xá-lợi-phật:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào để có thể đoạn trừ những khổ này không?”

Xá-lợi-phật đáp:

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phật:³⁰

“Nói là lưu³¹; thế nào là lưu?”

Xá-lợi-phật đáp:

“Lưu là chỉ cho dục lưu, hữu lưu, kiến lưu và vô minh lưu.”

Lại hỏi Xá-lợi-phật:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì có thể đoạn trừ những lưu này không?”

Xá-lợi-phật đáp:

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phật:³²

“Nói là ách³³; thế nào là ách?”

Ách cũng nói như lưu.

^{29.} Đoạn vấn đáp 12, Pāli, S.38.14 Dukkha.

^{30.} Đoạn vấn đáp 13, S.38.11 Ogha.

^{31.} Lưu 流 ; dây chỉ bộc lưu. 瀑 流 : dòng nước lũ. Pāli: ogha.

^{32.} Đoạn vấn đáp 14, như trên.

^{33.} Ách 扱 ; chính xác: 輒 , chỉ gọng cày. Pāli: cattāro yogā.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:³⁴

“Nói là thủ³⁵; thế nào là thủ?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Thủ có bốn, đó là dục thủ, ngã thủ, kiến thủ và giới thủ.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì có thể đoạn trừ những thủ này không?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:³⁶

“Nói là hệ phược³⁷; thế nào là hệ phược?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Phược có bốn, đó là tham dục phược, sân nhuế phược, giới thủ phược và ngã kiến phược.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì có thể đoạn trừ những phược này không?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:³⁸

“Gọi là kết; vậy thế nào là kết?”

³⁴. Đoạn vấn đáp 15, S.38.12 Upādāna.

³⁵. Thủ 取. Pāli: cattāri upādānāni kāmūpādānam, ditthūpādānam, sīlabbatūpādānam, atta-vādūpādānam.

³⁶. Đoạn vấn đáp 16, không có trong bản Pāli.

³⁷. Phược 縛 ; tức Tập dì 8, tr.399, thân hệ 身 繩 , có bốn: tham thân hệ, sân thân hệ, giới cấm thân hệ, thủ thật chấp thân hệ. Pāli, D.iii, tr. 230: cattāro ganthā, abhijjhā kāyagantha, vyāpādo kāyagantha, sīlabbataparāmāso kāyagantha, idamsaccābhiniviseso kāyagantha.

³⁸. Đoạn vấn đáp 17, bản Pāli không có.

Xá-lợi-phất đáp:

“Kết có chín³⁹, đó là ái kết, nhuế kết, mạn kết, vô minh kết, kiến kết, tha thủ kết⁴⁰, nghi kết, tật kết và xan kết.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì có thể đoạn trừ những kết này không?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Đó là tâm Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:⁴¹

“Gọi là sử, vậy thế nào là sử?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Sử có bảy, đó là tham dục sử, sân nhuế sử, hữu ái sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử và nghi sử.”⁴²

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào để có thể tu tập và khi tu tập nhiều, có thể đoạn trừ những sử này không?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Đó là tâm Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:⁴³

“Gọi là dục, vậy thế nào là dục?”

Xá-lợi-phất đáp:

^{39.} Xem Tập Dị 19, tr.446 a25

^{40.} Tập dị 19, tr.446 b9: thủ kết 取 結, “Hai thủ được gọi là thủ kết; kiến thủ và giới cấm thủ”. Pāli, parāmāsa, gồm dīṭṭhiparāmāsa, sīlabbatapaāmāsa.

^{41.} Đoạn vấn đáp 18, không có trong bản Pāli.

^{42.} Sử 使, hoặc dịch là tùy miên 隨 眠. Pāli, D.iii. 254, satta anusayā: kāmarāgānusayo, paṭighānusayo, dīṭṭhānusayo, vicikcchānusayo, mānāusayo, bhavarāgānusayo, avijjānusayo.

^{43.} Đoạn vấn đáp 19, không có trong bản Pāli.

“Dục là, đối với sắc được nhận thức bởi mắt đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ nghĩ, mà đam mê sắc. Tiếng được nhận thức bởi tai, hương bởi mũi, vị bởi lưỡi, xúc bởi thân đáng yêu, đáng thích, đáng nghĩ nhớ, nhiễm đắm xúc.

“Này Diêm-phù-xa, năm phẩm chất này không phải là dục. Nhưng dục chỉ do giác tưởng tư duy.”

Bấy giờ, Xá-lợi-phất liền nói bài kệ:

*Tất cả sắc thế gian,
 Không phải ái dục sử⁴⁴,
 Duy chỉ là giác tưởng,
 Đó chính là người dục⁴⁵.
 Bao nhiêu hiện sắc này,
 Thường ở tại thế gian,
 Điều phục tâm ái dục,
 Đó là người thông tuệ.”*

Diêm-phù-xa hỏi lại Xá-lợi-phất:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào để có thể tu tập và khi tu tập nhiều, thì có thể đoạn trừ được những dục này không?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bà luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:⁴⁶

“Gọi là cái; thế nào là cái⁴⁷? ”

Xá-lợi-phất đáp:

“Cái có năm, đó là tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo hối cái và nghi cái.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

⁴⁴. Ái dục sử 愛 欲 使 , hay ái dục tùy miên; Pāli: kāmarāgānusaya.

⁴⁵. Hán: sī phu dục 士 夫 欲 .

⁴⁶. Đoạn vấn đáp 20.

⁴⁷. Cái 蓋 , hay triển cái. Pāli, pañca nivaraṇāni: kāmacchanda-, vyāpāda-, thīnamiddha-, uddhaccakukkucca.

“Có con đường nào, có sự thực hành nào để có thể tu tập và khi tu tập nhiều, có thể đoạn trừ được những cái này không?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:⁴⁸

“Gọi là sự nghỉ ngơi, vậy thế nào là sự nghỉ ngơi?”⁴⁹

Xá-lợi-phất đáp:

“Sự nghỉ ngơi là sự đoạn trừ ba kết sử.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào để có thể tu tập và khi tu tập nhiều, có thể đoạn trừ được ba kết sử này không?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:⁵⁰

“Nói là đạt đến sự nghỉ ngơi; thế nào là đạt đến sự nghỉ ngơi?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Đạt đến sự nghỉ ngơi là ba kết sử đã bị đoạn, đã được biết.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào để có thể đoạn trừ được ba kết sử này không?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

⁴⁸. Đoạn vấn đáp 21, Pāli, S.38.5 Assāso.

⁴⁹. Hán: an tức 安 息. Pāli: assāsa, nguyên chỉ hơi thở vào, hơi thở điều hòa; trạng thái ngưng nghỉ, an ổn.

⁵⁰. Đoạn vấn đáp 22, như kinh trên Pāli, S.38.5 Assāsa.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:⁵¹

“Gọi là đạt đến sự nghỉ ngơi tối thượng⁵², vậy thế nào là đạt đến sự nghỉ ngơi tối thượng?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Đạt đến sự nghỉ ngơi tối thượng là đã vĩnh viễn đoạn tận tham dục, sân nhuế và ngu si⁵³. Đó gọi là đạt đến sự nghỉ ngơi tối thượng⁵⁴.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều thì có thể đạt đến sự nghỉ ngơi tối thượng không?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:⁵⁵

“Gọi là đạt đến chỗ nghỉ ngơi tối thượng⁵⁶; thế nào là được chỗ dừng nghỉ bậc thượng?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Đạt đến chỗ nghỉ ngơi tối thượng là đối với tham dục vĩnh viễn đã đoạn, đã biết không dư tàn; đối với sân nhuế, ngu si, vĩnh viễn đã đoạn, đã biết không dư tàn. Đó gọi là chỗ dừng nghỉ bậc thượng.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì có thể đạt đến chỗ nghỉ ngơi tối thượng không?”

⁵¹. Đoạn vấn đáp 23, Pāli, S.38.6 Paramassāna.

⁵². Hán: thượng an tức 上 安 息. Pāli: paramassāsa.

⁵³. Pāli: assāso... channam phassāyatānānam samudayañca atthaṅgamañca assādañca ādīnavāñca nissaraṇañca yathābhūtam pajānāti, “đạt đến sự nghỉ ngơi là biết như thực về sự tập khởi, sự tiêu diệt, vị ngọt, tai hại, sự xuất ly của sáu xúc xứ”.

⁵⁴. Pāli:... viditvā anupādā vimutto hoti, “sau khi biết, giải thoát với sự không chấp thủ”.

⁵⁵. Đoạn vấn đáp 24, không có trong bản Pāli.

⁵⁶. Hán: thượng tō tức xứ 上 蘇 息 處.

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:⁵⁷

“Nói là thanh lương⁵⁸, vậy thế nào là thanh lương?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Thanh lương là năm hạ phần kết đã trừ sạch; tức là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục và sân nhuế.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, để có thể đoạn trừ năm hạ phần kết này, để đạt đến thanh lương không?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:⁵⁹

“Gọi là được thanh lương, vậy thế nào là được thanh lương?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Đối với năm hạ phần kết đã đoạn tận, đã niệm tri, đó gọi là được thanh lương.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì được thanh lương không?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

⁵⁷. Đoạn vấn đáp 25, không có trong Pāli.

⁵⁸. Thanh lương 清涼, hay trạng thái mát lạnh. Pāli: sītibhūta.

⁵⁹. Đoạn vấn đáp 26, không có trong Pāli.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:⁶⁰

“Gọi là thanh lương bậc thượng, vậy thế nào là thanh lương bậc thượng?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Thanh lương bậc thượng là khi tham dục, sân nhuế, ngu si đã vĩnh viễn trừ sạch không còn; tất cả mọi thứ phiền não đã vĩnh viễn trừ sạch không còn. Đó gọi là thanh lương bậc thượng.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì đạt được thanh lương bậc thượng không?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất:⁶¹

“Nói là đạt được thanh lương bậc thượng, vậy thế nào là đạt được thanh lương bậc thượng?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Đạt được thanh lương bậc thượng là đối với tham dục đã vĩnh viễn đoạn trừ, vĩnh viễn biến tri không dư tàn; đối với sân nhuế và ngu si đã vĩnh viễn đoạn trừ, vĩnh viễn biến tri không dư tàn. Đó gọi là đạt được thanh lương bậc thượng.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì được thanh lương bậc thượng này không?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

^{60.} Đoạn vấn đáp 27.

^{61.} Đoạn vấn đáp 28.